

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo định hướng nghiên cứu

STT	Tên học	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình giảng	Phương pháp đánh giá
1	Triết học		4	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30%
2	Ngoại ngữ cơ bản		4	KHI	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30%
3	Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng HCM, QĐ ĐCSVN về	Hiểu được những nội dung quan điểm mácxít về nguồn gốc, bản chất, chức năng của tôn giáo và lịch sử tôn giáo, chủ nghĩa vô thần khoa học. Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo. Nhận thức đúng, có hệ thống tính khoa học và cách mạng các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng	3	KHI	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
4	Vấn đề tôn giáo trong lịch sử triết học	Khái quát nâng cao nhận thức của học viên vấn đề tôn giáo trong lịch sử triết học, đặc trưng của vấn đề tôn giáo cũng như mối quan hệ giữa tôn giáo và triết học qua mỗi thời kỳ lịch sử. Nắm vững những vấn đề, những nội dung chủ yếu, cụ thể các quan điểm về tôn giáo của từng trường phái triết học trong triết học thời cổ đại, trung - cận đại và hiện đại. Phân tích và hiểu đúng những vấn đề của tôn giáo trong lịch sử triết qua các quan điểm triết học về bản thể luận, nhận thức luận và các vấn đề xã hội trên lập trường tôn giáo và thần học phương Tây.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
5	Phật giáo Việt Nam: Lịch sử và	Trang bị cho người học những hiểu biết chung và nâng cao về Phật giáo Việt Nam qua lịch sử du nhập và phát triển tăng đoàn và thể chế hóa, từ đó liên hệ tới vấn đề tổ chức, quản lý cộng đồng Phật giáo trong bối cảnh mới ở Việt Nam và trong quan hệ với thế giới.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
6	Ki tô giáo: Tổ chức Giáo hội ở	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao hơn (so với đại học) về tổ chức Kitô giáo – một tôn giáo có tổ chức rất chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Lịch sử hình thành và tổ chức Giáo hội ở Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
7	Tôn giáo, văn hóa và xã hội	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề: khía niệm, bản chất, đặc điểm, các chức năng của tôn giáo, văn hoá và mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hoá. Sự tác động đa chiều cạnh của tôn giáo đối với văn hoá và ngược lại. Vai trò của tôn giáo trong một số lĩnh vực của đời sống văn hoá. Mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hoá Việt Nam. Giúp cho người học tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hóa gồm tiếp cận theo hướng bản thể luận, tiếp cận theo hướng tổng hợp, tiếp cận theo hướng chức năng	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
8	Nhà nước, tộc người và bản sắc địa phương ở Đông	Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các vấn đề nhà nước, tộc người, và bản sắc địa phương ở Đông Dương, khu vực văn hóa độc đáo của Đông Nam Á, trong đó bao gồm Việt Nam. Đặt Việt Nam trong bối cảnh khu vực để thấy được nét đặc sắc của văn hóa, con người Việt Nam trên phong nền văn hóa Đông Dương.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
9	Lễ hội tôn giáo ở Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về lễ hội tôn giáo ở Việt Nam - món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt, đặc biệt là mỗi dịp xuân về. Giúp người học có cái nhìn tổng quan hơn về lễ hội của người Việt, thấy được những giá trị, hạn chế của lễ hội và có cách ứng xử phù hợp.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
10	Các trào lưu nhân	Giúp cho học viên có được những kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử hình thành, phát triển của các trào lưu nhân học tôn giáo. Từ đó người học có thể tiếp cận tôn giáo hiện	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30%

		nay dưới góc độ nhân học.			
11	Các trào lưu xã hội học TG	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề của xã hội học tôn giáo như: Nghiên cứu tôn giáo dưới góc độ xã hội học; Định nghĩa tôn giáo dưới góc độ xã hội học; So sánh cách tiếp cận xã hội học tôn giáo với một số cách tiếp cận khác (Triết học tôn giáo, Nhân học Tôn giáo); Lược sử sự phát triển xã hội học tôn giáo; Phương pháp nghiên cứu xã hội học tôn giáo; Một số quan điểm xã hội học tôn giáo kinh điển; Một số khuynh hướng và lý thuyết tôn giáo trong xã hội đương đại, Nghiên cứu xã hội học tôn giáo ở Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
12	Thế giới quan và phương pháp luận triết học	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về thế giới quan tôn giáo và thế giới quan triết học dưới góc độ so sánh từ nguồn gốc, sự phát triển và những nội dung cơ bản của các hình thức thế giới quan này, từ đó, chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt và lý giải những biểu hiện sinh động của các hình thức thế giới quan này trong thực tiễn.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
13	Vai trò của tôn giáo trong thời đại ngày nay	Trang bị cho người học những nội dung cơ bản về vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, trong lịch sử loài người và nhất là trong xu thế ngày nay: toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế. Giúp người học thấy được những tác động phức tạp (cả tích cực và tiêu cực) của tôn giáo trong giải quyết những vấn đề của thời đại như chiến tranh và hoà bình, tôn giáo và dân tộc, gìn giữ và phát triển văn hoá của các quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết những mâu thuẫn chính trị, v.v. qua một số tôn giáo lớn như Công giáo, Hồi giáo, Phật giáo.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
	Tôn giáo Phương Đông: Lịch sử và hiện	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về các tôn giáo phương Đông: Điều kiện lịch sử, tự nhiên xã hội Phương Đông, các tôn giáo cụ thể và đặc trưng của nó.	2		
	Một số lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhân học	<i>Nhân học tôn giáo</i> gắn việc nghiên cứu các tôn giáo, tín ngưỡng (dân tộc hoặc thế giới) với văn hóa của tộc người. Nhân học tôn giáo đi sâu nghiên cứu các biểu tượng tôn giáo, các nghi thức, các hành vi lễ hội và các thiết chế xã hội tôn giáo khác nhau; quan tâm nghiên cứu mối quan hệ trong sinh hoạt tôn giáo với giới tính, các phong trào tôn giáo, xung đột tôn giáo trong mối quan hệ giữa các dân tộc và quốc gia.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
15	Tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa	Tôn giáo là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Môn học Tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa sẽ cung cấp cho học viên kiến thức căn bản về quan hệ giữa văn hóa và tín ngưỡng, tôn giáo. Cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hóa.	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
16	Phương pháp nghiên cứu tôn giáo học	Cung cấp cho học viên những kỹ năng, phương pháp cơ bản trong nghiên cứu tôn giáo học mang tính đặc thù riêng: Phương pháp tôn giáo học trong việc tiếp cận vấn đề tôn giáo, phương pháp điều tra xã hội học tôn giáo trong việc thu thập thông tin.... Giúp học viên được trang bị những kỹ năng cơ bản, nền tảng nhất phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu chuyên sâu của mình.	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
17	Các trào lưu thần học Ki tô	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thần học: đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu, lịch sử của nó. Trang bị cho người học bức tranh toàn cảnh (Panorama de la théologie) thế kỷ XX, các xu thế chính của nó ở châu Âu, Bắc Mỹ và Châu Á; Người học được trang bị kiến thức cơ bản về những vấn đề sau: Công đồng Vatican II và sự tiếp thu của nó đối với cộng đồng người Công giáo Việt Nam. Một số đường nét của "thần học Việt Nam", sản phẩm suy tư của giới trí thức Công giáo Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
18	Tôn giáo và các nền văn minh	Học phần giúp học viên có những hiểu biết một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về: Quá trình hình thành các nền văn minh; Tôn giáo, tín ngưỡng trong các nền văn minh; Tác động của tôn giáo, tín ngưỡng với văn hoá văn minh; Tôn giáo, tín ngưỡng trong quá trình giao lưu văn hóa văn minh. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, những nhận	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

		định, đánh giá một cách khách quan và khoa học về tụn giáo và tụn ngưỡng ở một số khu vực, vận dụng phộp biện chứng mác-xít khi đánh giá những di sản tụn giáo - văn hoá ở những khu vực đó.			
19	Khái luận về hiện tượng tụn giáo mới	Cung cấp cho người học kiến thức cụ thể về "hiện tượng tụn giáo mới", bản chất và biểu hiện của chúng. Giải thích những khái niệm liờn quan: Các khái niệm cơ bản về loại hình tụn giáo trên thế giới: tụn giáo thế giới, tụn giáo khu vực, tụn giáo dân tộc, tụn giáo truyền thông và tụn giáo mới; Giáo hội và giáo phái: hai hình thức tồn tại cơ bản của tụn giáo; Chính đạo và tà đạo; "Hiện tượng tụn giáo mới"- tên gọi và sự phân loại, v.v. Giúp người học nhận thức thực trạng và xu thế của hiện tượng tụn giáo mới ở các nước Âu Mỹ và Việt Nam. Học phần còn giúp cho học viên có được những nhận thức đúng đắn, khách quan và khoa học về vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các :hiện tượng tụn giáo mới” đối với sự phát triển văn hóa xã hội các nước trên thế giới, trong khu vực và đặc biệt là ở Việt Nam.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
20	Tụn giáo, tín ngưỡng các dân tộc thiểu số ở	Học phần giúp cho học viên có được tri thức cơ bản, hệ thống về tình hình các dân tộc người thiểu số, địa lý và văn hoá tộc người, sự phân bố các tộc người, về tín ngưỡng, tụn giáo của các tộc người thiểu số Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
21	Nho giáo với các đặc tính tụn giáo	Học phần giúp học viên củng cố và nâng cao những kiến thức cơ bản về Nho giáo và Nho giáo tại Việt Nam nói chung, trên cơ sở đó hướng học viên đi sâu vào tìm hiểu và lý giải các đặc tính tụn giáo của Nho giáo, giải đáp được vấn đề tại sao Nho giáo không phải là một tụn giáo chuẩn theo các tiêu chí nhưng lại có những tác dụng tụn giáo và tồn tại như một tụn giáo. Học phần giúp cho học viên tìm hiểu và lý giải được sự ảnh hưởng các đặc tính tụn giáo của Nho giáo đối với tầng lớp Nho sĩ, trí thức trong lịch sử, tới các vấn đề tín ngưỡng, phong tục, tập quán và văn hóa thời kỳ trung đại. Học viên thông qua học phần có thể sáng tỏ một vấn đề phức tạp nhưng có ý nghĩa học thuật và thực tiễn cao, tức phương diện tụn giáo của Nho giáo.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
22	Giới thiệu Kinh sách Kito giáo	Kinh sách là một phần không thể thiếu của một tụn giáo, nói hàm chứa nội dung của chính tụn giáo đó. Là những gì được coi là "linh thiêng" của chính tụn giáo đó. Môn học cung cấp cho người học tri thức về giáo lý cơ bản và kinh điển của tụn giáo lớn là Ki tô giáo. Làm cho người học nắm bắt được cái vốn có ban đầu của tụn giáo đó nhằm tạo cơ sở cho nhận thức và nghiên cứu tình hình Kito đó ở nước ta hiện nay.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
23	Giới thiệu Kinh sách Islam	Với mỗi tụn giáo, kinh sách là một phần không thể thiếu. Kinh sách chứa đựng, thể hiện nội dung giáo lý, giáo luật của tụn giáo đó. Là nơi người tín đồ có thể tìm thấy tất cả những thứ mình cần tìm về niềm tin, tụn giáo của mình, là thứ có thể lưu truyền nguyên vẹn nhất "tinh hoa" của tụn giáo đó cho các thế hệ tín đồ sau. Với Islam, kinh Qur'an chính là "linh hồn". Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về kinh sách của một trong những tụn giáo thế giới, đang có xu hướng phát triển mạnh trong những thập niên gần đây: Islam	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
	Giới thiệu kinh sách Phật giáo	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về giáo lý, kinh sách của Phật giáo. Từ nền tảng đó người học có thể thấy được những khác biệt trong giáo lý của Phật giáo gốc và Phật giáo ở Việt Nam. Từ đó có cách nhìn đúng đắn về Phật giáo Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
24	Xu hướng phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện	Tin Lành là tụn giáo đang có xu hướng phát triển nhanh ở Việt Nam trong những năm gần đây, có ảnh hưởng đến đời sống của nhiều bộ phận dân cư Việt Nam, đặc biệt khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về xu hướng phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam để có cách nhìn nhận đúng đắn, khách quan về vấn đề này.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
	Nghệ thuật học tụn giáo	Nghệ thuật học tụn giáo có đối tượng nghiên cứu là nghệ thuật tụn giáo. Nó có nhiệm vụ nghiên cứu bản chất, quy luật, quy tắc của lĩnh vực nghệ thuật tụn giáo. Thông quan các giai đoạn lịch sử phát triển của nghệ thuật tụn giáo, nghệ thuật học tụn giáo nắm bắt	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

		các tri thức logic lịch sử của sự ra đời, phát triển và tiêu vong của các thời kỳ lịch sử chính trị, các biến cố xã hội, để từ đó cung cấp một cái nhìn bản chất nhất về những giá trị tạm thời hay vĩnh cửu của các công trình nghệ thuật tôn giáo. Qua đó, nó sẽ góp phần vào việc bảo tồn giá trị văn hóa của các công trình nghệ thuật tôn giáo trong đời sống cộng đồng.			
25	Mối quan hệ giữa tôn giáo với các lĩnh vực khác của đời sống xã	Tôn giáo có mối quan hệ với rất nhiều các lĩnh vực của đời sống xã hội. Môn học trang bị cho học viên những quan niệm chính thống của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm mới về tôn giáo với các mối quan hệ với kinh tế, khoa học, chính trị, văn hóa và đạo đức hiện đại...	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

1.2. Thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học định hướng ứng dụng

STT	Tên học	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh
1	Triết học		4	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
2	Ngoại ngữ cơ bản		4	KH I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng HCM, QĐ ĐCSVN về Tôn giáo	Hiểu được những nội dung quan điểm mácxít về nguồn gốc, bản chất, chức năng của tôn giáo và lịch sử tôn giáo, chủ nghĩa vô thần khoa học. Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo. Nhận thức đúng, có hệ thống tính khoa học và cách mạng các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, t- tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
4	Mối quan hệ giữa Tôn giáo, tín ngưỡng và	Học phần Tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa sẽ cung cấp cho học viên kiến thức căn bản về quan hệ giữa văn hóa và tín ngưỡng, tôn giáo. Cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hóa.	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
5	Tôn giáo ở Việt Nam: lý luận và thực tiễn	Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với vấn đề tôn giáo luôn được đặt ra cả trên phương diện lý luận và thực tiễn cấp bách. Giải quyết tốt vấn đề tôn giáo luôn là nhiệm vụ mang tính chiến lược, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	3	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
6	Vấn đề tôn giáo trong lịch sử triết học	Khái quát nâng cao nhận thức của học viên vấn đề tôn giáo trong lịch sử triết học, đặc trưng của vấn đề tôn giáo cũng như mối quan hệ giữa tôn giáo và triết học qua mỗi thời kỳ lịch sử. Nắm vững những vấn đề, những nội dung chủ yếu, cụ thể các quan điểm về tôn giáo của từng trường phái triết học trong triết học thời cổ đại, trung - cận đại và hiện đại. Phân tích và hiểu đúng những vấn đề của tôn giáo trong lịch sử triết qua các quan điểm triết học về bản thể luận, nhận thức luận và các vấn đề xã hội trên lập trường tôn giáo và thần học phương Tây.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
7	Phương pháp nghiên cứu tôn giáo học	Cung cấp cho học viên những kỹ năng, phương pháp cơ bản trong nghiên cứu tôn giáo học mang tính đặc thù riêng: Phương pháp tôn giáo học trong việc tiếp cận vấn đề tôn giáo, phương pháp điều tra xã hội học tôn giáo trong việc thu thập thông tin....	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

		Giúp học viên được trang bị những kỹ năng cơ bản, nền tảng nhất phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu chuyên sâu của mình.			
8	Thế giới quan và phương pháp luận triết học	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về thế giới quan tôn giáo và thế giới quan triết học dưới góc độ so sánh từ nguồn gốc, sự phát triển và những nội dung cơ bản của các hình thức thế giới quan này, từ đó, chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt và lý giải những biểu hiện sinh động của các hình thức thế giới quan này trong thực tiễn.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
9	Phật giáo Việt Nam: Lịch sử và tổ chức	Trang bị cho người học những hiểu biết chung và nâng cao về Phật giáo Việt Nam qua lịch sử du nhập và phát triển tăng đoàn và thể chế hóa, từ đó liên hệ tới vấn đề tổ chức, quản lý cộng đồng Phật giáo trong bối cảnh mới ở Việt Nam và trong quan hệ với thế giới.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
10	Ki tô giáo: Tổ chức Giáo hội ở VN	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao hơn (so với đại học) về tổ chức Kitô giáo – một tôn giáo có tổ chức rất chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Lịch sử hình thành và tổ chức Giáo hội ở Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
11	Công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng hiện		2		
12	Lễ hội tôn giáo ở Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về lễ hội tôn giáo ở Việt Nam - món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt, đặc biệt là mỗi dịp xuân về. Giúp người học có cái nhìn tổng quan hơn về lễ hội của người Việt, thấy được những giá trị, hạn chế của lễ hội và có cách ứng xử phù hợp.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
13	Khoan dung tôn giáo và những vấn đề đặt ra	Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về vấn đề khoan dung tôn giáo ở Việt Nam - một đặc trưng rất riêng của văn hóa Việt Nam. Rèn luyện cho người học kỹ năng minh lấy thực tiễn minh chứng cho lý thuyết khi quan sát những biểu hiện của khoan dung tôn giáo ở Việt Nam.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
14	Các trào lưu nhân học Tg	Giúp cho học viên có được những kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử hình thành, phát triển của các trào lưu nhân học tôn giáo. Từ đó người học có thể tiếp cận tôn giáo hiện nay dưới góc độ nhân học.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
15	Các trào lưu xã hội học TG	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề của xã hội học tôn giáo như: Nghiên cứu tôn giáo dưới góc độ xã hội học; Định nghĩa tôn giáo dưới góc độ xã hội học; So sánh cách tiếp cận xã hội học tôn giáo với một số cách tiếp cận khác (Triết học tôn giáo, Nhân học Tôn giáo); Lược sử sự phát triển xã hội học tôn giáo; Phương pháp nghiên cứu xã hội học tôn giáo; Một số quan điểm xã hội học tôn giáo kinh điển; Một số khuynh hướng và lý thuyết tôn giáo trong xã hội đương đại, Nghiên cứu xã hội học tôn giáo ở Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
16	Thời đại ngày nay: những vấn đề chính	Trang bị cho người học những hiểu biết chung và nâng cao về thời đại ngày nay, những vấn đề chính trị - xã hội nổi bật đang đòi hỏi sự nhận thức và	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

17	Vai trò của tôn giáo trong thời đại ngày nay	Trang bị cho người học những nội dung cơ bản về vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, trong lịch sử loài người và nhất là trong xu thế ngày nay: toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế. Giúp người học thấy được những tác động phức tạp (cả tích cực và tiêu cực) của tôn giáo trong giải quyết những vấn đề của thời đại như chiến tranh và hoà bình, tôn giáo và dân tộc, gìn giữ và phát triển văn hoá của các quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết những mâu thuẫn chính trị, v.v. qua một số tôn giáo lớn như Công giáo, Hồi giáo, Phật giáo.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
18	Các tôn giáo Phương Đông: Lịch	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về các tôn giáo phương Đông: Điều kiện lịch sử, tự nhiên xã hội Phương Đông, các tôn giáo cụ thể và đặc trưng của nó.	2	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
19	Tôn giáo và vấn đề lợi dụng tôn giáo	Học phần giúp cho học viên có được tri thức cơ bản, hệ thống về những vấn đề của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội, vấn đề lợi dụng tôn giáo ở trên thế giới và Việt Nam, những giải pháp ứng xử đối với vấn đề lợi dụng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
20	Mối quan hệ giữa tổ chức tôn giáo và tổ chức chính trị xã hội địa	Học phần giúp cho học viên có được tri thức cơ bản, hệ thống về mối quan hệ giữa tôn giáo, dân chủ và tổ chức chính trị xã hội ở địa phương. Vai trò của tôn giáo và vấn đề dân chủ trong tôn giáo và trong tổ chức chính trị xã hội ở địa phương của xã hội ...	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
21	Bảo tồn di sản văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương hiện	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa tín ngưỡng. Trên cơ sở lý luận, ứng dụng vào thực tiễn công tác bảo tồn di sản văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương nước ta hiện nay.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
22	Tôn giáo và các vấn đề quốc tế hiện nay	Học phần giúp cho học viên có được tri thức cơ bản, hệ thống về tôn giáo đối với những vấn đề quốc tế hiện nay; Hiểu rõ bối cảnh mới về tôn giáo quốc tế và khu vực tác động đến tôn giáo Việt Nam. Nhưng xu thế chuyển biến của tôn giáo quốc tế và khu vực cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI; Tôn giáo trước những vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo trong khu vực; Tôn giáo và những tác động trái chiều và những vấn đề đặt ra trong xã hội hiện nay: Vấn đề nhân quyền, vấn đề tôn giáo mới, diễn biến hòa bình trong tôn giáo....	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
23	Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc thiểu số ở Việt	Học phần giúp cho học viên có được tri thức cơ bản, hệ thống về tình hình các dân tộc người thiểu số, địa lý và văn hoá tộc người, sự phân bố các tộc người, về tín ngưỡng, tôn giáo của các tộc người thiểu số Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
24	Khái luận về hiện tượng tôn giáo mới	Cung cấp cho người học kiến thức cụ thể về "hiện tượng tôn giáo mới", bản chất và biểu hiện của chúng. Giải thích những khái niệm liên quan: Các khái niệm cơ bản về loại hình tôn giáo trên thế giới: tôn giáo thế giới, tôn giáo khu vực, tôn giáo dân tộc, tôn giáo truyền thống và tôn giáo mới; Giáo hội và giáo phái: hai hình thức tồn tại cơ bản của tôn giáo; Chính đạo và tà đạo; "Hiện tượng tôn giáo mới"- tên gọi và sự phân loại, v.v. Giúp người học nhận thức thực trạng và xu thế của hiện tượng tôn giáo mới ở các nước Âu Mỹ và Việt Nam. Học phần còn giúp cho học viên có được những	3	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

		nhận thức đúng đắn, khách quan và khoa học về vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các :hiện tượng tôn giáo mới” đối với sự phát triển văn hóa xã hội các nước trên thế giới, trong khu vực và đặc biệt là ở Việt Nam.			
25	Du lịch tâm linh tôn giáo ở Việt Nam	Trên cơ sở lý thuyết về du lịch tâm linh, tôn giáo ở Việt Nam, qua trải nghiệm thực tiễn, thực tế, người học sẽ có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phát triển du lịch tâm linh ở Việt Nam.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
26	Giới thiệu Kinh sách Kito giáo	Kinh sách là một phần không thể thiếu của một tôn giáo, nói hàm chứa nội dung của chính tôn giáo đó. Là những gì được coi là "linh thiêng" của chính tôn giáo đó. Môn học cung cấp cho người học tri thức về giáo lý cơ bản và kinh điển của tôn giáo lớn là Kito giáo. Làm cho người học nắm bắt được cái vốn có ban đầu của tôn giáo đó nhằm tạo cơ sở cho nhận thức và nghiên cứu tình hình Kito giáo ở nước ta hiện nay.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
27	Xu hướng phát triển của Phật giáo ở VN hiện nay	Phật giáo là tôn giáo đang có xu hướng phát triển nhanh ở Việt Nam trong những năm gần đây, có ảnh hưởng đến đời sống của nhiều bộ phận dân cư Việt Nam. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về xu hướng phát triển Phật giáo ở Việt Nam để có cách nhìn nhận đúng đắn, khách quan về vấn đề này.		HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
28	Xu hướng phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay	Tin Lành là tôn giáo đang có xu hướng phát triển nhanh ở Việt Nam trong những năm gần đây, có ảnh hưởng đến đời sống của nhiều bộ phận dân cư Việt Nam, đặc biệt khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về xu hướng phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam để có cách nhìn nhận đúng đắn, khách quan về vấn đề này.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
29	Thực hành tư vấn pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo	Học phần giúp cho học viên có điều kiện thực hành những kiến thức pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo và tham vấn cho các tổ chức tôn giáo, tín đồ thực hiện đúng quy trình luật pháp của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, về phong phạm trật, chức sắc, xin cấp pháp nhân hoạt động và các hoạt động tham vấn, liên kết giữa tổ chức tôn giáo với cơ sở xã hội....		KH III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
30	Công tác từ thiện trong tín ngưỡng, tôn giáo	Học phần Công tác từ thiện xã hội trong tín ngưỡng, tôn giáo giúp cho học viên tìm hiểu những hoạt động nhập thế của các tôn giáo trong đời sống xã hội như: Tham gia cứu trợ đồng bào thiên tai, lũ lụt, Tham gia xóa đói giảm nghèo, Nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa, người có hoàn cảnh khó khăn,..... Trên cơ sở đó, định hướng cho học viên thấy được sự áp dụng giáo lý hướng thiện của tôn giáo trong đời sống gắn với những mục tiêu phát triển xã hội..		HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
31	Tôn giáo và sự liên kết cộng đồng	Trang bị cho người học những kiến thức về tôn vai trò của tôn giáo trong liên kết cộng đồng. Tôn giáo đối với sự liên kết cộng đồng ở Việt Nam. Các tôn giáo trong sự phát triển cộng đồng ở Việt Nam. Giúp cho học viên thấy rõ đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bản thân các tôn giáo, ngoài hệ thống giáo lý, giáo luật và các sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh, còn là một thành tố xã hội, văn hoá, đạo đức mang tính cộng đồng.		KH II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
32	Tín ngưỡng,	Trang bị cho người học những kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo của người Khmer ở Nam Bộ, đặc		HK III	+ Chuyên cần: 10%

	người Khmer ở Nam Bộ	biệt là Phật giáo Nam tông Khmer Việt Nam. Tính tất yếu, bản chất, đặc trưng của tín ngưỡng tôn giáo của người Khmer ở Việt Nam. Lịch sử vùng đất văn hóa và con người Khmer qua các giai đoạn. Đặc điểm tổ chức của tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội Khmer Việt Nam.			+ Cuối kỳ: 60%
33	Mối quan hệ giữa tôn giáo với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội	Tôn giáo có mối quan hệ với rất nhiều các lĩnh vực của đời sống xã hội. Môn học trang bị cho học viên những quan niệm chính thống của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm mới về tôn giáo với các mối quan hệ với kinh tế, khoa học, chính trị, văn hóa và đạo đức hiện đại...	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
34	Thực hành nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo đối với phong tục các	Môn học nhằm tạo điều kiện cho học viên được tiếp cận thực hành nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo trên thực tế, để thấy được đặc trưng về nghi lễ của các tín ngưỡng, tôn giáo với phong tục riêng của các địa phương khác nhau. Đây là những trải nghiệm thực tế thú vị đối với mỗi học viên.		HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
35	Các trào lưu thần học Ki tô	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thần học: đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu, lịch sử của nó. Trang bị cho người học bức tranh toàn cảnh (Panorama de la théologie) thế kỷ XX, các xu thế chính của nó ở châu Âu, Bắc Mỹ và Châu Á; Người học được trang bị kiến thức cơ bản về những vấn đề sau: Công đồng Vatican II và sự tiếp thu của nó đối với cộng đồng người Công giáo Việt Nam. Một số đường nét của "thần học Việt Nam", sản phẩm suy tư của giới trí thức Công giáo Việt Nam.	2	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
36	Nho giáo với các đặc tính tôn giáo	Học phần giúp học viên củng cố và nâng cao những kiến thức cơ bản về Nho giáo và Nho giáo tại Việt Nam nói chung, trên cơ sở đó hướng học viên đi sâu vào tìm hiểu và lý giải các đặc tính tôn giáo của Nho giáo, giải đáp được vấn đề tại sao Nho giáo không phải là một tôn giáo chuẩn theo các tiêu chí nhưng lại có những tác dụng tôn giáo và tồn tại như một tôn giáo. Học phần giúp cho học viên tìm hiểu và lý giải được sự ảnh hưởng các đặc tính tôn giáo của Nho giáo đối với tầng lớp Nho sĩ, trí thức trong lịch sử, tới các vấn đề tín ngưỡng, phong tục, tập quán và văn hóa thời kỳ trung đại. Học viên thông qua học phần có thể sáng tỏ một vấn đề phức tạp nhưng có ý nghĩa học thuật và thực tiễn cao, tức phương diện tôn giáo của Nho giáo.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
37	Nghệ thuật học tôn giáo	Nghệ thuật học tôn giáo có đối tượng nghiên cứu là nghệ thuật tôn giáo. Nó có nhiệm vụ nghiên cứu bản chất, quy luật, quy tắc của lĩnh vực nghệ thuật tôn giáo. Thông qua các giai đoạn lịch sử phát triển của nghệ thuật tôn giáo, nghệ thuật học tôn giáo nắm bắt các tri thức logic lịch sử của sự ra đời, phát triển và tiêu vong của các thời kỳ lịch sử chính trị, các biến cố xã hội, để từ đó cung cấp một cái nhìn bản chất nhất về những giá trị tạm thời hay vĩnh cửu của các công trình nghệ thuật tôn giáo. Qua đó, nó sẽ góp phần vào việc bảo tồn giá trị văn hóa của các công trình nghệ thuật tôn giáo trong đời sống cộng đồng.	2	HK III	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

II. Thạc sĩ chuyên ngành Triết học I. Khối kiến thức chung

Tiếng Anh cơ bản	HV nộp CC B1 trong hồ sơ để đủ điều kiện bảo vệ KL,	4		
------------------	---	---	--	--

	Tiếng Nga cơ bản	không tính kết quả học phần này trong điểm TBC tích lũy			
	Tiếng Trung cơ bản				
	Tiếng Đức cơ bản				
	Tiếng Pháp cơ bản				

II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành

II.1. Bắt buộc					
1	Thế giới quan và Phương pháp luận triết học	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về nội dung thế giới quan và phương pháp luận triết học, từ đó làm hình thành nên những quan niệm và phương pháp luận đúng đắn, khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
2	Thời đại ngày nay: Những vấn đề chính trị - xã hội	Trang bị cho người học những hiểu biết chung và nâng cao về thời đại ngày nay, những vấn đề chính trị - xã hội nổi bật đang đòi hỏi sự nhận thức và giải quyết rất ráo riết trên thế giới và ở Việt Nam.	3	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
3	Phương pháp nghiên cứu triết học	Học phần này cung cấp cho học viên những tri thức nền tảng để hình thành kỹ năng nhận diện các vấn đề triết học cần quan tâm, giúp họ định hình và giải quyết được vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp phân tích phù hợp với đối tượng và nội dung nghiên cứu, cách thức trình bày một công trình (tiểu luận, luận văn, luận án, bài báo...) triết học đúng quy cách.	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
II.2. Lựa chọn					
4	Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại	Giúp học viên nắm chắc tiền đề hình thành, phát triển, những nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Việt Nam qua một số tác phẩm tiêu biểu. Từ đó biết đánh giá được giá trị và hạn chế, phát huy được những truyền thống tốt đẹp của tư duy dân tộc.	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
5	Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ	Người học nắm được khái niệm, đặc điểm và những khuynh hướng cơ bản của sự phát triển khoa học - công nghệ hiện nay. Thấy được những biến đổi của đời sống xã hội và con người dưới sự tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật trong thời đại hiện nay. Từ đó, hiểu rõ vai trò của chiến lược phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ đối với nước ta hiện nay.	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
6	Vũ trụ quan trong triết học phương Đông	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển vũ trụ quan trong triết học phương Đông (Trung Quốc và Ấn Độ cổ - trung đại); những nội dung chủ yếu trong vũ trụ quan phương Đông (qua các học phái, các nhà tư tưởng và các tác phẩm kinh điển tiêu biểu).	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
7	Triết học lịch sử	Giúp học viên nắm được các nội dung triết học lịch sử cơ bản của các nhà triết học khác nhau và đánh giá ý nghĩa lịch sử của chúng.	2	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>

III. Khối kiến thức chuyên ngành

III.1 Bắt buộc					
8	Triết học chính trị - xã hội Tây Âu Cổ - Trung đại	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học chính trị - xã hội Tây Âu cổ - trung đại; những quan niệm cơ bản trong học thuyết triết học của các triết gia tiêu biểu thông qua một số tác phẩm kinh điển.	3	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
9	Triết học chính trị - xã hội Tây Âu Cận đại	Làm rõ những nội dung cơ bản, vai trò lịch sử của triết học chính trị - xã hội Tây Âu Cận đại (thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XIX).	3	Học kỳ I	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>

10	Triết học Tây Âu thế kỷ XIX – XX qua một số tác phẩm tiêu biểu	Giúp học viên hiểu một cách hệ thống các tư tưởng cơ bản của triết học phương Tây thế kỷ XIX - XX qua một số các tác phẩm tiêu biểu. Trang bị cho học viên phương pháp nghiên cứu và kỹ năng tiếp cận, phân tích, đánh giá các tư tưởng cơ bản của triết học phương Tây thế kỷ XIX - XX qua một số các tác phẩm tiêu biểu.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
11	Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lí luận và thực tiễn	Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản và có hệ thống một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền, từ đó luận giải tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
	III.2. Tự chọn				
12	Đạo đức truyền thống Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	Học phần giúp cho người học nắm vững được những chuẩn mực đạo đức truyền thống Việt Nam và sự biến đổi của chúng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
13	Phương pháp logic trong nghiên cứu “Tư bản” của C. Mác với việc vận dụng nhận thức xã hội trong thời đại hiện nay	Học viên cần nắm được nội dung triết học chủ yếu, logic trình bày của C. Mác trong “Tư bản”; cách C. Mác phân tích, dõi theo sự phát triển các mâu thuẫn khách quan của xã hội tư bản và sự phản ánh chúng vào hệ tư tưởng tư sản, từ đó thấy được những đặc điểm của mâu thuẫn xã hội.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
14	Nguồn gốc, bản chất và sự vận động của cái đẹp	Giúp cho nắm được nội dung của những khuynh hướng cơ bản trước Mác, macxit và ngoài macxit nghiên cứu về nguồn gốc, bản chất và sự vận động của cái đẹp.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
15	Toàn cầu hoá và kinh tế tri thức	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu cũng như cơ sở lý luận của toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, giúp học viên phân tích và luận chứng một cách khoa học về những tác động của toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đến Việt Nam. Trên rên cơ sở đó, người học có thể lý giải một cách khoa học những hiện tượng mang tính chất toàn cầu và hiểu được chiến lược phát triển ở Việt Nam trong quá trình đổi mới hiện nay.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
16	Mỹ học hiện đại và định hướng giá trị thẩm mỹ ở Việt Nam hiện nay	Nắm được bức tranh tổng quan của các trào lưu mỹ học các phương pháp nghiên cứu mỹ học và các phương pháp sáng tác nghệ thuật hiện đại.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
17	Quan niệm đạo đức học trong một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại	Nắm được những khái niệm và nội dung cơ bản của quan niệm đạo đức học trong một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
18	Tư tưởng triết học trong kinh dịch	Nắm được nội dung triết học cơ bản của Kinh dịch, vai trò của Kinh Dịch trong triết học Trung Quốc nói riêng, trong đời sống tinh thần xã hội Trung Hoa nói chung.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
19	Luận văn		20		
	Tổng		64		

Thạc sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học

I. Khối kiến thức chung

	Tiếng Anh cơ bản	HV nộp CC B1 trong hồ sơ để đủ điều kiện bảo vệ KL, không tính kết quả học phần này trong điểm TBC tích lũy	4		
	Tiếng Nga cơ bản				
	Tiếng Trung cơ bản				
	Tiếng Đức cơ bản				
	Tiếng Pháp cơ bản				

II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành

	II.1. Bắt buộc				
--	-----------------------	--	--	--	--

01	Thế giới quan và Phương pháp luận triết học	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về nội dung thế giới quan và phương pháp luận triết học, từ đó làm hình thành nên những quan niệm và phương pháp luận đúng đắn, khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
02	Thời đại ngày nay: Những vấn đề chính trị - xã hội	Trang bị cho người học những hiểu biết chung và nâng cao về thời đại ngày nay, những vấn đề chính trị - xã hội nổi bật đang đòi hỏi sự nhận thức và giải quyết rất ráo riết trên thế giới và ở Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
03	Phương pháp nghiên cứu triết học	Học phần này cung cấp cho học viên những tri thức nền tảng để hình thành kỹ năng nhận diện các vấn đề triết học cần quan tâm, giúp họ định hình và giải quyết được vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp phân tích phù hợp với đối tượng và nội dung nghiên cứu, cách thức trình bày một công trình (tiểu luận, luận văn, luận án, bài báo...) triết học đúng quy cách.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

II.2. Lựa chọn

04	Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại	Giúp học viên nắm chắc tiền đề hình thành, phát triển, những nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Việt Nam qua một số tác phẩm tiêu biểu. Từ đó biết đánh giá được giá trị và hạn chế, phát huy được những truyền thống tốt đẹp của tư duy dân tộc.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
05	Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ	Người học nắm được khái niệm, đặc điểm và những khuynh hướng cơ bản của sự phát triển khoa học - công nghệ hiện nay. Thấy được những biến đổi của đời sống xã hội và con người dưới sự tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật trong thời đại hiện nay. Từ đó, hiểu rõ vai trò của chiến lược phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ đối với nước ta hiện nay.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
06	Triết học lịch sử	Giúp học viên nắm được các nội dung triết học lịch sử cơ bản của các nhà triết học khác nhau và đánh giá ý nghĩa lịch sử của chúng.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
07	Vấn đề dân chủ và dân chủ hoá đời sống xã hội: Lịch sử và hiện đại	Cung cấp những kiến thức về dân chủ, những quan niệm khác nhau về dân chủ, về bản chất dân chủ, những điều kiện biện pháp thực hiện dân chủ trong xã hội. Làm rõ dân chủ hoá là yêu cầu phát triển của xã hội loài người, là cuộc đấu tranh gay go quyết liệt giữa quần chúng nhân dân với những thế lực phản động, độc đoán chuyên quyền. Làm rõ quan niệm của Hồ Chí Minh và của Đảng cộng sản Việt Nam về dân chủ, quá trình dân chủ hoá trong đời sống xã hội Việt Nam những năm qua. Làm rõ những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng nên dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam những năm qua, nguyên nhân của chúng. Từ những hiểu biết trên, học phần nêu lên những nguyên tắc, yêu cầu và giải pháp phát huy mạnh mẽ dân chủ Việt Nam trong thời gian tới, để xây dựng thành công CNXH ở nước ta.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

III. Khối kiến thức chuyên ngành

III.1 Bắt buộc					
08	Phương pháp luận nghiên cứu chủ nghĩa xã hội	Học viên nắm được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở khoa học, nội dung cơ bản của các phương pháp luận trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó khái quát những vấn đề thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực để bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

09	Chủ nghĩa xã hội và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Học viên nắm được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở khoa học, nội dung cơ bản của các phương pháp luận trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó khái quát những vấn đề thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực để bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Học viên nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nguồn gốc hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, từ đó thấy rõ ý nghĩa lý luận và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với quá trình cách mạng Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
11	Những vấn đề chính trị - xã hội của chủ nghĩa tư bản	Học viên cần nắm được vị trí lịch sử của chủ nghĩa tư bản hiện đại trong tiến trình phát triển của xã hội loài người đến tương lai không còn áp bức, bóc lột, bất công; những vấn đề chính trị - xã hội mà nó đang phải đối mặt. Giúp học viên xuyên qua những hiện tượng hư ảo bề ngoài nhìn thấu và phân tích được bản chất mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản, từ đó xây dựng và tuyên truyền niềm tin vào tương lai phát triển phồn vinh, thịnh vượng của đất nước ta.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
III.2. Tự chọn					
12	Chính sách an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	Nắm vững kiến thức cơ bản và nâng cao về nội dung môn học; vai trò vị trí và tầm quan trọng của việc hình thành môn học, kết cấu và nội dung môn học từ đó có thái độ tích cực khi tiếp cận nghiên cứu và vận dụng các kết quả học tập môn học vào thực tiễn cuộc sống và chuyên môn của học viên	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
13	Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản và có hệ thống một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền, từ đó luận giải tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
14	Giai cấp công nhân hiện đại và sứ mệnh lịch sử của nó	Học viên nắm vững khái niệm, bản chất, nội dung các điều kiện khách quan, tiền đề chủ quan trong sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá được đặc điểm, vai trò, thực trạng, xu hướng, vấn đề, quan điểm và định hướng chính sách đối với giai cấp công nhân Việt Nam.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
15	Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	Học viên hiểu được một cách sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, trong đó đổi mới kinh tế quyết định đổi mới chính trị và đổi mới chính trị định hướng cho đổi mới kinh tế, góp phần thực hiện thành công đổi mới kinh tế; từ mối quan hệ đó, học viên nhận rõ, muốn cho kinh tế phát triển, cần quan tâm tới cải cách bộ máy Nhà nước và xây dựng hệ thống luật pháp đầy đủ. Muốn cho chính trị ổn định phải phát triển kinh tế nâng cao mức sống của nhân dân.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
16	Nông dân Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Giúp cho học viên có cái nhìn đầy đủ, khách quan về bản chất, vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam, trên cơ sở nhận thức đó có khả năng luận giải những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
17	Quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về quan hệ dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

18	Văn hóa làng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống về <i>văn hóa làng Việt Nam</i> , qua đó nhận thức được văn hóa làng chính là cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam, từ đó, học viên có hành động và thái độ tích cực trong xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
19	Luận văn		20		
	Tổng		64		

III. Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện định hướng nghiên cứu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tổ chức và quản lý các cơ quan TT, TV hiện đại	Kết thúc học phần, học viên nắm được kiến thức và vận hành nhuần nhuyễn trong quá trình tổ chức và quản lý cơ quan thông tin- thư viện, quản lý quy trình công nghệ, kế hoạch chiến lược và quản lý nguồn lực Tin và lựa chọn cơ cấu tổ chức hợp lý, xây dựng văn hóa tổ chức phù hợp, lập được kế hoạch chiến lược và quản lý có hiệu quả nguồn lực của cơ quan thông tin- thư viện.	2	Từ 7/12/2020 đến 8/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
2	Tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin	Sau khi học xong học phần, người học phải nắm được các nguyên tắc cơ bản của hoạt động xử lý thông tin nhằm trợ giúp tìm kiếm thông tin trong các hệ thống truy hồi thông tin, cũng như trợ giúp sử dụng thông tin. Người học phải biết vận dụng các nguyên tắc nói trên vào từng công việc cụ thể như: định chỉ mục, biên soạn tổng luận khoa học hoặc tiến hành hoạt động tư vấn trợ giúp giải quyết vấn đề trong các cơ quan, tổ chức dựa trên các phương pháp thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, bình luận thông tin.	2	Từ 8/12/2020 đến 12/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
3	Thông tin học nâng cao	Kết thúc học phần, học viên sẽ phân tích, lý giải những khái niệm, quan điểm cơ bản - nền tảng lý luận và hoạt động thực tiễn của hoạt động thông tin tư liệu KH & CN trong xã hội thông tin. Hiểu khái quát về sự ra đời của nền kinh tế tri thức. Nắm được các đặc trưng, động lực phát triển của nền “Kinh tế tri thức”. Phân tích thực trạng nền kinh tế Việt Nam và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Xác định được vai trò của hoạt động thông tin KH&CN phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước. Biết thiết kế, quản lý dự án về phát triển hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin tư liệu khoa học và công nghệ nói riêng trong môi trường xã hội mới - xã hội thông tin	2	Từ 20/7 đến 12/8/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
4	Tra cứu và tìm tin trực tuyến	Kết thúc học phần, học viên phải nắm được lý thuyết cũng như thành thạo trong tìm tin, tra cứu tin, nắm vững quá trình tra cứu tin. Nhận thức đúng được vai trò của tra cứu tin trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của công nghệ thông tin cũng như xu thế phát triển của hoạt động tra cứu tin và tổ chức công tác tra cứu tin tại các cơ quan thông tin - thư viện ở Việt Nam.	2	Từ 15/12 đến 15/1/2022	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
5	Quản trị dự án thông tin, thư viện	Học phần giúp học viên nắm vững những kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án nói chung và quản trị dự án thông tin thư viện nói riêng. Thông qua đó học viên có thể tư vấn xây dựng, triển khai hoặc tham gia giám sát các dự án thông tin - thư viện.	2	Từ 30/12/2020 đến 15/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
6	Thư viện số và công nghệ nội dung	Môn học trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và quan trọng nhất của thư viện số	3	Từ 5/1 đến 3/2/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30%

		và công nghệ nội dung. Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải nắm vững các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc... của thư viện số và công nghệ nội dung. Hiểu rõ các thành phần, các phần mềm và trang thiết bị sử dụng trong thư viện số. Biết rõ quy trình tạo lập, khai thác, lưu trữ và bảo quản tài liệu số. Sử dụng thành thạo các thiết bị, công cụ, phần mềm số hóa, ngôn ngữ siêu văn bản và nhận dạng ký tự quang học để tạo lập tài nguyên số và xây dựng trang web/cổng thông tin. Nắm vững tính chất, tầm quan trọng và các ứng dụng công nghệ nội dung trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hiểu và tuân thủ nghiêm túc các vấn đề về bản quyền và sở hữu trí tuệ.			- Tiểu luận: 60%
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học TT, TV	Sau khi học xong học phần “Nghiên cứu khoa học thông tin-thư viện” học viên phải nắm vững được nội hàm khái niệm khoa học. Lịch sử của Khoa học và quy luật hình thành một bộ môn Khoa học. Tiêu chí nhận biết một Bộ môn Khoa học nói chung và khoa học TT-TV nói riêng. Phân loại Khoa học và các quan điểm tiếp cận phân loại Khoa học. Khái niệm, mục tiêu, đặc điểm nghiên cứu KH TT-TV. Các loại hình nghiên cứu khoa học Thông tin-Thư viện. Nguyên tắc nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện. Bản chất nghiên cứu KH TT-TV. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của KH TT-TV. Cấu trúc Logic của một công trình nghiên cứu KH TT-TV. Các loại đề tài và các bước thực hiện công trình nghiên cứu KH TT-TV. Các loại đề tài, đề án, chương trình, dự án TT-TV. Quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu Khoa học Thông tin-Thư viện	3	Từ 10/5 đến 30/6/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
8	Lý luận thư viện hiện đại	Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của thư viện học hiện đại, trên cơ sở đó có thể vận dụng để phân tích, đánh giá hoạt động thư viện trong thực tiễn, đồng thời có khả năng xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển thư viện trong giai đoạn hiện nay.	2	Từ 7/12/2020 đến 8/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
9	Đánh giá phần mềm quản trị TT, TV	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức chung về phần mềm và công nghệ phần mềm - Các đặc trưng chức năng của các loại phần mềm dùng trong hoạt động các loại phần mềm dùng trong công tác thông tin - thư viện, bao gồm: Phần mềm tư liệu, Hệ quản trị thư viện tích hợp, Phần mềm quản lý các bộ sưu tập số. - Tính năng của một số phần mềm tiêu biểu: CSD/ISIS for Windows, Hệ quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và phần mềm mã nguồn mở quản lý các bộ sưu tập số Greenstone. - Các tiêu chí đánh giá các loại phần mềm dùng trong hoạt động thông tin - thư viện	2	Từ 8/12/2020 đến 12/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
10	Quản trị nhân lực thông tin – thư viện	Sau khi học xong học phần “Quản trị nhân lực thông tin-thư viện” học viên phải nắm vững được nội hàm khái niệm Nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Vai trò nguồn nhân lực và nguồn nhân lực thông tin thư viện. Các quan điểm về nguồn nhân lực thông tin-thư viện trên thế giới và Việt Nam. Các yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Các yếu tố đảm bảo phát triển nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thông tin-thư viện ở Việt Nam. Các yêu cầu nguồn nhân lực thông tin thư viện	2	Từ 20/7 đến 12/8/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%

		hiện đại và một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực thông tin thư viện			
11	Hệ thống thông tin khoa học xã hội và văn hóa nghệ thuật	Môn học trang bị cho học sinh cao học hệ thống những kiến thức về Thông tin Khoa học xã hội và Văn hóa - Nghệ thuật: Những khái niệm cơ bản, khái quát về công tác nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực KHXH, Vai trò, vị trí của hoạt động Thông tin Khoa học xã hội, về hệ thống thông tin KHXH, nội dung hoạt động thông tin KHXH ở nước ta, chiến lược phát triển hoạt động thông tin KHXH ở nước ta hiện nay; Khái niệm Văn hóa - Nghệ thuật. Thông tin Văn hóa - Nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống xã hội; Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin Văn hóa - Nghệ thuật; Tổ chức hoạt động và các sản phẩm, dịch vụ thông tin VHNT trên thế giới và Việt Nam; Những ưu điểm, hạn chế và yêu cầu đối với hoạt động thông tin VHNT Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể đánh giá được chất lượng hoạt động và tổ chức tốt các hoạt động Thông tin Khoa học xã hội và Văn hóa - Nghệ thuật trong các cơ quan Thông tin - Thư viện Việt Nam.	2	Từ 6/4 đến 6/5/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
12	Quản trị tri thức	Sau khi học xong học phần Quản trị tri thức người học có khả năng chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch và trực tiếp triển khai hoạt động quản trị tri thức ở các loại hình cơ quan thông tin - thư viện khác nhau. Bên cạnh đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tổ chức và tham gia các hoạt động quản trị tri thức tại cơ sở làm việc, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và tăng cường văn hóa chia sẻ tri thức.	2	Từ 8/3 đến 31/3/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
13	Người dùng tin trong môi trường thư viện số	Môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về đặc điểm tâm lý người dùng tin, vai trò của người dùng tin trong hoạt động thông tin - thư viện; những tác động của môi trường điện tử tới hoạt động thông tin thư viện, qua đó ảnh hưởng tới nhu cầu tin cũng như tập quán của người dùng tin; kỹ năng giao tiếp với người dùng tin trong môi trường điện tử.	2	Từ 18/5 đến 17/6/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
14	Chuẩn hóa hoạt động TTTV	Kết thúc học phần học viên hiểu rõ vị trí, vai trò của tiêu chuẩn và công tác tiêu chuẩn hóa trong hoạt động thông tin-thư viện. Nắm rõ các đối tượng trong dây chuyền hoạt động thông tin-thư viện cần phải chuẩn hóa. Nắm vững các kỹ năng cần thiết về tổ chức, thực hiện việc xây dựng và áp dụng các TCVN, tiêu chuẩn quốc tế trong dây chuyền hoạt động thông tin - thư viện sao cho hợp lý và đạt hiệu quả.	2	Từ 5/4 đến 7/5/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
15	Phát triển, lưu trữ và bảo quản nguồn thông tin số	Sau khi học xong học phần “Phát triển, lưu trữ và bảo quản thông tin số” người học nắm được: - Nội hàm các khái niệm Thông tin, thông tin số, tài liệu, tài liệu số, phát triển thông tin số, lưu trữ thông tin, lưu trữ thông tin số; bảo quản, bảo tồn thông tin số. - Nắm được kiến thức tổng quan và các phương pháp đánh giá, khảo sát và kiểm soát việc phát triển, lưu trữ và bảo quản thông tin số. - Hiểu được các nguyên nhân làm mất, sai lệch thông tin số. Hiểu rõ và biết cách tổ chức áp dụng những phương pháp phát triển, lưu trữ và bảo quản các dạng thông tin số khác nhau trong các cơ quan thông tin - thư viện. Những cố gắng của quốc tế và	3	Từ 1/3/2021 đến 31/4/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%

		của từng nước trong lưu trữ, bảo quản tài liệu			
16	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện	<i>Mục tiêu chung:</i> Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và tư duy sáng tạo trong việc xác lập tiêu chí, phát triển phương thức đánh giá SP&DV thông tin - thư viện, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý hoạt động dịch vụ thông tin - thư viện trên cương vị công tác chuyên môn của học viên.	3	Từ 20/5 đến 20/6/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
17	Triết học		4	Từ 8/11/2021 (thứ 2,4,6 hàng tuần)	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Thi tự luận: 60%
18	Luận văn thạc sĩ		20		Theo quy chế đào tạo (Số 4488/QĐ-ĐHQGHN, 10/12/2014)

Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện định hướng ứng dụng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thư viện học nâng cao	Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của thư viện học hiện đại, trên cơ sở đó có thể vận dụng để phân tích, đánh giá hoạt động thư viện trong thực tiễn, đồng thời có khả năng xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển thư viện trong giai đoạn hiện nay.	2	Từ 7/12/2020 đến 8/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
2	Thông tin học nâng cao	Kết thúc học phần, học viên sẽ phân tích, lý giải những khái niệm, quan điểm cơ bản - nền tảng lý luận và hoạt động thực tiễn của hoạt động thông tin tư liệu KH & CN trong xã hội thông tin. Hiểu khái quát về sự ra đời của nền kinh tế tri thức. Nắm được các đặc trưng, động lực phát triển của nền “Kinh tế tri thức”. Phân tích thực trạng nền kinh tế Việt Nam và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Xác định được vai trò của hoạt động thông tin KH&CN phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước. Biết thiết kế, quản lý dự án về phát triển hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin tư liệu khoa học và công nghệ nói riêng trong môi trường xã hội mới - xã hội thông tin	2	Từ 8/12/2020 đến 12/1/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
3	Lưu trữ và bảo quản nguồn tin số	Sau khi học xong học phần “Lưu trữ và bảo quản thông tin số” người học nắm được: - Nội hàm các khái niệm Thông tin, thông tin số, tài liệu, tài liệu số, phát triển thông tin số, lưu trữ thông tin, lưu trữ thông tin số; bảo quản, bảo tồn thông tin số. - Nắm được kiến thức tổng quan và các phương pháp đánh giá, khảo sát và kiểm soát việc phát triển, lưu trữ và bảo quản thông tin số. - Hiểu được các nguyên nhân làm mất, sai lạc thông tin số. Hiểu rõ và biết cách tổ chức áp dụng những phương pháp phát triển, lưu trữ và bảo quản các dạng thông tin số khác nhau trong các cơ quan thông tin - thư viện. Những cố gắng của quốc tế và của từng nước trong lưu trữ, bảo quản tài liệu	2	Từ 1/3/2021 đến 31/3/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
4	Phát triển tài nguyên thông tin số	Sau khi học xong học phần “Phát triển tài nguyên thông tin số” người học nắm được: - Nội hàm các khái niệm Thông tin, thông tin số, tài liệu, tài liệu số, phát triển thông tin số, lưu trữ thông tin, lưu trữ thông tin số; bảo quản, bảo tồn thông tin số. - Nắm được kiến thức tổng quan và các phương pháp đánh giá, khảo sát và kiểm soát việc phát	2	Từ 1/4/2021 đến 31/4/2021	-Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%

		<p>triển, lưu trữ và bảo quản thông tin số.</p> <p>- Hiểu được các nguyên nhân làm mất, sai lạc thông tin số. Hiểu rõ và biết cách tổ chức áp dụng những phương pháp phát triển, lưu trữ và bảo quản các dạng thông tin số khác nhau trong các cơ quan thông tin - thư viện. Những cố gắng của quốc tế và của từng nước trong lưu trữ, bảo quản tài liệu</p>			
5	Xử lý thông tin nâng cao	<p>Sau khi học xong học phần, người học phải nắm được các nguyên tắc cơ bản của hoạt động xử lý thông tin nhằm trợ giúp tìm kiếm thông tin trong các hệ thống truy hồi thông tin, cũng như trợ giúp sử dụng thông tin. Người học phải biết vận dụng các nguyên tắc nói trên vào từng công việc cụ thể như: định chỉ mục, biên soạn tổng luận khoa học hoặc tiến hành hoạt động tư vấn trợ giúp giải quyết vấn đề trong các cơ quan, tổ chức dựa trên các phương pháp thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, bình luận thông tin.</p>	2	Từ 8/12/2020 đến 12/1/2021	<p>-Chuyên cần 10%</p> <p>- Thuyết trình: 30%</p> <p>- Tiểu luận: 60%</p>
6	Tìm tin trực tuyến	<p>Kết thúc học phần, học viên phải nắm được lý thuyết cũng như thành thạo trong tìm tin, tra cứu tin, nắm vững quá trình tra cứu tin. Nhận thức đúng được vai trò của tra cứu tin trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của công nghệ thông tin cũng như xu thế phát triển của hoạt động tra cứu tin và tổ chức công tác tra cứu tin tại các cơ quan thông tin - thư viện ở Việt Nam.</p>	2	Từ 15/12 đến 15/1/2022	<p>-Chuyên cần 10%</p> <p>- Thuyết trình: 30%</p> <p>- Tiểu luận: 60%</p>
7	Thư viện số và công nghệ nội dung	<p>Môn học trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và quan trọng nhất của thư viện số và công nghệ nội dung. Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải nắm vững các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc... của thư viện số và công nghệ nội dung. Hiểu rõ các thành phần, các phần mềm và trang thiết bị sử dụng trong thư viện số. Biết rõ quy trình tạo lập, khai thác, lưu trữ và bảo quản tài liệu số. Sử dụng thành thạo các thiết bị, công cụ, phần mềm số hóa, ngôn ngữ siêu văn bản và nhận dạng ký tự quang học để tạo lập tài nguyên số và xây dựng trang web/cổng thông tin. Nắm vững tính chất, tầm quan trọng và các ứng dụng công nghệ nội dung trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hiểu và tuân thủ nghiêm túc các vấn đề về bản quyền và sở hữu trí tuệ.</p>	2	Từ 5/1 đến 3/2/2021	<p>-Chuyên cần 10%</p> <p>- Thuyết trình: 30%</p> <p>- Tiểu luận: 60%</p>
8	Quản trị dự án thông tin thư viện	<p>Học phần giúp học viên nắm vững những kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án nói chung và quản trị dự án thông tin thư viện nói riêng. Thông qua đó học viên có thể tư vấn xây dựng, triển khai hoặc tham gia giám sát các dự án thông tin - thư viện.</p>	2	Từ 30/12/2020 đến 15/1/2021	<p>-Chuyên cần 10%</p> <p>- Thuyết trình: 30%</p> <p>- Tiểu luận: 60%</p>
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Sau khi học xong học phần “Nghiên cứu khoa học thông tin-thư viện” học viên phải nắm vững được nội hàm khái niệm khoa học. Lịch sử của Khoa học và quy luật hình thành một bộ môn Khoa học. Tiêu chí nhận biết một Bộ môn Khoa học nói chung và khoa học TT-TV nói riêng. Phân loại Khoa học và các quan điểm tiếp cận phân loại Khoa học. Khái niệm, mục tiêu, đặc điểm nghiên cứu KH TT-TV. Các loại hình nghiên cứu khoa học Thông tin-Thư viện. Nguyên tắc nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện. Bản chất nghiên cứu KH TT-TV. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của KH TT-TV. Cấu trúc Logic của một công trình nghiên cứu KH TT-TV. Các loại đề tài và các bước thực hiện công trình nghiên cứu KH TT-TV. Các loại đề tài, đề án,</p>	3	Từ 10/5 đến 30/6/2021	<p>-Chuyên cần 10%</p> <p>- Thuyết trình: 30%</p> <p>- Tiểu luận: 60%</p>

		chương trình, dự án TT-TV. Quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu Khoa học Thông tin-Thư viện			
10	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện	<i>Mục tiêu chung:</i> Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và tư duy sáng tạo trong việc xác lập tiêu chí, phát triển phương thức đánh giá SP&DV thông tin - thư viện, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý hoạt động dịch vụ thông tin - thư viện trên cương vị công tác chuyên môn của học viên.	2	Từ 20/5 đến 20/6/2021	- Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
11	Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin thư viện hiện đại	Kết thúc học phần, học viên nắm được kiến thức và vận hành nhuần nhuyễn trong quá trình tổ chức và quản lý cơ quan thông tin- thư viện, quản lý qui trình công nghệ, kế hoạch chiến lược và quản lý nguồn lực Tin và lựa chọn cơ cấu tổ chức hợp lý, xây dựng văn hóa tổ chức phù hợp, lập được kế hoạch chiến lược và quản lý có hiệu quả nguồn lực của cơ quan thông tin- thư viện.	3	Từ 7/12/ đến 28/12/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
12	Người dùng tin và nhu cầu tin nâng cao	Môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về đặc điểm tâm lý người dùng tin, vai trò của người dùng tin trong hoạt động thông tin - thư viện; những tác động của môi trường điện tử tới hoạt động thông tin thư viện, qua đó ảnh hưởng tới nhu cầu tin cũng như tập quán của người dùng tin; kỹ năng giao tiếp với người dùng tin trong môi trường điện tử.	2	Từ 20/5 đến 20/6/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
13	Chuẩn hóa hoạt động TTTV	Kết thúc học phần học viên hiểu rõ vị trí, vai trò của tiêu chuẩn và công tác tiêu chuẩn hóa trong hoạt động thông tin-thư viện. Nắm rõ các đối tượng trong dây chuyền hoạt động thông tin-thư viện cần phải chuẩn hóa. Nắm vững các kỹ năng cần thiết về tổ chức, thực hiện việc xây dựng và áp dụng các TCVN, tiêu chuẩn quốc tế trong dây chuyền hoạt động thông tin - thư viện sao cho hợp lý và đạt hiệu quả.	2	Từ 2/3 đến 1/4/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
14	Quản trị tri thức	Sau khi học xong học phần Quản trị tri thức người học có khả năng chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch và trực tiếp triển khai hoạt động quản trị tri thức ở các loại hình cơ quan thông tin - thư viện khác nhau. Bên cạnh đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tổ chức và tham gia các hoạt động quản trị tri thức tại cơ sở làm việc, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và tăng cường văn hóa chia sẻ tri thức.	2	Từ 1/3 đến 31/3/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
15	Đánh giá phần mềm quản lý thông tin	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức chung về phần mềm và công nghệ phần mềm - Các đặc trưng chức năng của các loại phần mềm dùng trong hoạt động các loại phần mềm dùng trong công tác thông tin - thư viện, bao gồm: Phần mềm tư liệu, Hệ quản trị thư viện tích hợp, Phần mềm quản lý các bộ sưu tập số. - Tính năng của một số phần mềm tiêu biểu: CSD/ISIS for Windows, Hệ quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và phần mềm mã nguồn mở quản lý các bộ sưu tập số Greenstone. - Các tiêu chí đánh giá các loại phần mềm dùng trong hoạt động thông tin - thư viện	2	Từ 3/8 đến 5/9/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
16	Quản trị nhân lực thông tin thư viện	Sau khi học xong học phần “Quản trị nhân lực thông tin-thư viện” học viên phải nắm vững được nội hàm khái niệm Nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Vai trò nguồn nhân lực và nguồn nhân lực thông tin thư viện. Các quan điểm về nguồn nhân	2	Từ 18/5 đến 17/6/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%

		lực thông tin-thư viện trên thế giới và Việt Nam. Các yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Các yếu tố đảm bảo phát triển nguồn nhân lực thông tin-thư viện. Sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thông tin-thư viện ở Việt Nam. Các yêu cầu nguồn nhân lực thông tin thư viện hiện đại và một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực thông tin thư viện			
17	Hệ thống thông tin khoa học xã hội và văn hóa nghệ thuật	Môn học trang bị cho học sinh cao học hệ thống những kiến thức về Thông tin Khoa học xã hội và Văn hóa - Nghệ thuật: Những khái niệm cơ bản, khái quát về công tác nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực KHXX, Vai trò, vị trí của hoạt động Thông tin Khoa học xã hội, về hệ thống thông tin KHXX, nội dung hoạt động thông tin KHXX, về thực trạng hoạt động thông tin KHXX ở nước ta, chiến lược phát triển hoạt động thông tin KHXX ở nước ta hiện nay; Khái niệm Văn hóa - Nghệ thuật. Thông tin Văn hóa - Nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống xã hội; Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin Văn hóa - Nghệ thuật; Tổ chức hoạt động và các sản phẩm, dịch vụ thông tin VHNT trên thế giới và Việt Nam; Những ưu điểm, hạn chế và yêu cầu đối với hoạt động thông tin VHNT Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể đánh giá được chất lượng hoạt động và tổ chức tốt các hoạt động Thông tin Khoa học xã hội và Văn hóa - Nghệ thuật trong các cơ quan Thông tin - Thư viện Việt Nam.	2	Từ 5/4 đến 7/5/2021	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
18	Quy tắc biên mục RDA	Kết thúc học phần, học viên nắm bắt được những khái niệm cơ bản trong biên mục hiện đại (các mô hình lý thuyết cơ sở của RDA); Nắm được những nguyên tắc cơ bản của RDA; Biết các mô tả những thực thể thư mục (Tác phẩm, biểu hiện, biểu thị, bản tài liệu; cá nhân, dòng họ, tập thể, khái niệm, đối tượng, sự kiện; địa điểm); Hiểu được những dạng quan hệ thư mục của các thực thể với tài nguyên đang mô tả; Biết ứng dụng RDA trong môi trường khổ mẫu MARC21	2		Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
19	Truyền thông đa phương tiện trong TT-TV	Môn học trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về truyền thông và thông tin đa phương tiện. Các điều kiện, quy trình và phương pháp xây dựng các sản phẩm đa phương tiện. Truyền thông đa phương tiện nói chung và trong hoạt động thông tin thư viện nói riêng. Tạo lập, quản lý và tổ chức truyền thông đa phương tiện trong hoạt động thông tin thư viện. Qua đó người học có thể xây dựng được chiến lược và đánh giá được công tác truyền thông đa phương tiện của cơ quan thông tin thư viện cụ thể.	2		Chuyên cần 10% - Giữa kỳ: 30% - Cuối kỳ: 60%
20	Trắc lượng thư mục	Trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng quan trọng trong trắc lượng thư mục như phương pháp trích dẫn, phân tích trích dẫn, hệ thống chỉ dẫn tham khảo và quy cách trình bày trích dẫn trong tài liệu khoa học. Giúp người học có khả năng phân tích các tham số phổ biến của trắc lượng thư mục và sử dụng các công cụ quản lý trích dẫn, tham khảo, đồng thời nắm được hiện trạng và ý nghĩa của ứng dụng trắc lượng thư mục để có thể đánh giá trình độ, khả năng nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức.	2		Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30% - Tiểu luận: 60%
21	Triết học		4	Từ 8/11/2021 (thứ 2,4,6	Chuyên cần 10% - Thuyết trình: 30%

				hàng tuần)	- Thi tự luận: 60%
22	Thực tập		2	Thực tập từ 1/12/2021 đến 15/2/2022	
23	Luận văn		9		Theo quy chế đào tạo (số 4688/QĐ-ĐHQGHN, 10/12/2021)

IV. Thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế

ST T	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Lí thuyết quan hệ quốc tế	Bổ sung kiến thức về các lý thuyết trong QHQT để vận dụng, giải thích nhiều hiện tượng trong QHQT. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	4	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
2.	Quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh	Bổ sung kiến thức về QHQT trên thế giới từ sau Chiến tranh Lạnh. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
3.	Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới	Bổ sung kiến thức về quan hệ đối ngoại của VN từ năm 1986 đến nay. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
4.	Kinh tế chính trị quốc tế	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
5.	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nâng cao	Bổ sung kiến thức về các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế để vận dụng vào bài nghiên cứu khoa học và luận văn. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
6.	Chính trị học so sánh	Bổ sung kiến thức về các lý thuyết khoa học chính trị, các thể chế chính trị trên thế giới... Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
7.	Hệ thống quốc tế qua các thời kỳ lịch sử	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
8.	Toàn cầu hóa và những tác động của nó	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

				<i>của học viên)</i>	
9.	Quan hệ kinh tế quốc tế sau chiến tranh lạnh	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
10.	Luật quốc tế: Những vấn đề sau chiến tranh lạnh	Bổ sung kiến thức về luật Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
11.	Văn hoá trong quan hệ quốc tế	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
12.	An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
13.	Địa chính trị	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	2	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
14.	Văn minh thông tin và kinh tế tri thức	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	2	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
15.	Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ 21	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
16.	Chính sách đối ngoại của Mỹ sau 11/9/2001	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
17.	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
18.	Hợp tác quốc tế của các nước đang phát triển	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

9.	Tiếng Anh học thuật	Bổ sung kiến thức Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm đầu tiên của học viên</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
20.	Luận văn	Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Hoàn thành khóa học và đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên.	20	Theo kế hoạch năm học và tiến độ của học viên.	Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ (5 người)

I. Tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học					
STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số	Lịch trình giảng	Phương pháp đánh
1	Quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo: những vấn đề lý luận và thực tiễn	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo; Bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo; Bối cảnh Việt Nam của sự ra đời các quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo; Các quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo; Thực tiễn triển khai những chính sách, thực thi pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
2	Các lý thuyết phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo	Học phần cung cấp cho NCS những kiến thức về các lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu tôn giáo: lý thuyết nhân học tôn giáo, lý thuyết xã hội học tôn giáo, lý thuyết dân tộc học tôn giáo, lý thuyết xã hội học tôn giáo,... những lý thuyết này sẽ giúp người học có cái nhìn đa chiều về tôn giáo, để lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với hướng nghiên cứu của mình; cung cấp cho người học kiến thức cơ	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
3	Làng xã và tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt	Làng xã và tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về làng Việt, văn hóa làng và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người nông dân sống trong các làng đó. Đặc biệt, những biến đổi tôn giáo tín ngưỡng của người Việt trong giai đoạn hiện nay sẽ được đề cập đến trong môn học.	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
4	Ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống văn hóa tinh thần người Việt Nam hiện nay	Trang bị cho NCS tri thức nâng cao về những giáo lý cơ bản và hoạt động của Phật giáo, những ảnh hưởng hiện nay của chúng đến đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp dân cư khác nhau ở Việt Nam, sự vận động, biến đổi của Phật giáo hiện nay giúp người học có thể đưa ra những nhận định, đánh giá về vai trò của Phật giáo đối với đời sống văn hóa tinh thần của Việt Nam hiện nay và đưa ra được giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam hiện nay.	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
5	Văn hóa Công giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự ảnh hưởng tác động qua lại giữa văn hóa Công giáo và văn hóa Việt Nam. Công giáo với vai trò là một tôn giáo lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế giới, đến với Việt Nam với những đặc trưng rất riêng về văn hóa và con đường du nhập của Công giáo vì vậy giữa văn hóa Công giáo và văn hóa Việt Nam có sự tác	3	HK I	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

		động qua lại, quá trình tác động đó là một quá trình dài với mức độ, hình thức mỗi thời kỳ khác nhau.			
6	Văn hóa Hồi giáo và văn hóa Việt Nam: Lịch sử và hiện tại	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về văn hóa Hồi giáo trong văn hóa Việt Nam, cụ thể hơn là sự hội nhập văn hóa hồi giáo với văn hóa người Chăm để dẫn đến kết quả tất yếu là sự phân chia người Chăm thành hai cộng đồng Chăm Bà ni, Chăm Islam; so sánh những điểm giống và khác nhau giữa hai cộng đồng người Chăm này để thấy rõ hơn mức độ tác động khác nhau của văn hóa Hồi giáo với văn hóa người Chăm.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
7	Văn hóa Tin Lành và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại	Nội dung học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về Tin Lành ở Việt Nam trong đó đi sâu vào phân tích sự tác động qua lại giữa văn hóa Tin Lành và văn hóa Việt Nam để thấy rõ được những đóng góp của Tin Lành với văn hóa Việt Nam và cả những va chạm giữa hai dòng văn hóa, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm phát huy những giá trị của văn hóa Tin Lành trong công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
8	Tôn giáo với tín ngưỡng bản địa Việt Nam	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các tôn giáo nội sinh với tín ngưỡng dân gian bản địa ở Việt Nam; sự đa dạng, phức tạp của các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng bản địa truyền thống và những biểu hiện của nó trên các lĩnh vực của văn hóa vật thể và phi vật thể.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
9	Mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tôn giáo và xã hội đương đại	Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội có liên hệ mật thiết với mọi mặt của đời sống con người. Đặc biệt trong bối cảnh xã hội đương đại hiện nay, mối liên hệ đó càng được biểu hiện rõ ràng. Học phần Tôn giáo, tín ngưỡng và các vấn đề của xã hội đương đại sẽ hướng đến cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng với các vấn đề cụ thể của xã hội đương đại như: chính trị, khoa học, đạo đức, dân tộc, văn hóa, ...	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
10	Vấn đề hội nhập Tam giáo trong lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam	Học phần giúp nghiên cứu sinh có được các kiến thức, năng lực và kỹ năng có liên quan tới việc tiếp cận và thâm nhập Tam giáo (Nho -Phật-Đạo). Trên cơ sở các kiến thức về từng tôn giáo đã được trang bị từ cấp học và các học phần trước đó, học phần giúp nghiên cứu sinh nhìn Tam giáo ở chiều sâu, những ưu điểm, sở trường và sự thiếu hụt, từ đó nhìn nhận quá trình Tam giáo từ đối thoại, mâu thuẫn tới thâm thấu, hội thông và trở thành một thực tế tư tưởng và tôn giáo từng tồn tại và ảnh hưởng mạnh trong quá khứ và cả hiện tại ở Việt	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%
11	Xu hướng biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay: thực trạng và giải pháp	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến xu hướng biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. Giúp người học có những nhận định, đánh giá khách quan về đời sống tôn giáo hiện nay.	3	HK II	+ Chuyên cần: 10% + Giữa kỳ: 30% + Cuối kỳ: 60%

II.	huyền ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử			
	I. Các học phần NCS			
	I.1. Bắt buộc			

01	Phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận biện chứng duy vật; những vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay; cách thức vận dụng những phương pháp của phép biện chứng duy vật để nhận thức và hoạt động thực tiễn.	3	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
02	Triết học Đông -Tây: Cách tiếp cận nghiên cứu so sánh	Chuyên đề này cung cấp cho NCS những hiểu biết khái quát cao ở tầm lý luận về tính đặc thù, các quy luật nảy sinh, tồn tại và phát triển của tri thức triết học ở các vùng văn hoá Đông - Tây khác nhau.	2	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
03	Tôn giáo và triết học: Cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam	Nắm vững được nguồn gốc, sự phát triển và những nội dung cơ bản của thế giới quan tôn giáo trong tương quan so sánh với sự ra đời, nội dung và quá trình phát triển của thế giới quan triết học từ lịch sử tới hiện tại. NCS nắm được những vấn đề thực tiễn vai trò của tôn giáo trong sự phát triển đất nước hiện nay, những lý do khách quan và chủ quan tác động tới quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo.	2	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
	I.2. Tự chọn				
04	Một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức	Cung cấp cho người học một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu các vấn đề toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Học phần này sẽ nghiên cứu hai hiện tượng cơ bản của xã hội hiện đại là toàn cầu hóa và kinh tế tri thức dựa trên phương pháp luận nghiên cứu Mác-xít, đánh giá bản chất cũng như khuynh hướng vận động, phát triển của nó từ những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu cũng như cơ sở lý luận của toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, giúp học viên phân tích và luận chứng một cách khoa học về những tác động của toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đến Việt Nam.	3	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
05	Tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững	Cung cấp cho người học tri thức về những quan niệm trong lịch sử và hiện nay về tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững, về tiêu chí đánh giá chúng, cũng như về lý luận và thực tiễn thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững ở Việt Nam những năm qua.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
06	Phép biện chứng với sự phát triển khoa học và công nghệ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0	Giúp NCS hiểu rõ hơn mối quan hệ tương hỗ cùng phát triển của khoa học hiện đại và phép biện chứng duy vật, những vấn đề thế giới quan và phương pháp luận do sự phát triển của khoa học hiện đại đặt ra đòi hỏi sự tham gia giải quyết của phép biện chứng duy vật.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
	II. Chuyên đề NCS				
07	Chuyên đề 1		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
08	Chuyên đề 2		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
09	Chuyên đề 3		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
10	III. Tiểu luận tổng quan		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
11	Luận án tiến sỹ		70	Học kỳ 4,5,6	
	Tổng		91		

III. <i>Tiêu chuẩn ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>					
I. Các học phần NCS					
I.1. Bắt buộc					
49	Phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận biện chứng duy vật; những vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay; cách thức vận dụng những phương pháp của phép biện chứng duy vật để nhận thức và hoạt động thực tiễn.	3	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
50	Triết học chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận chung	Trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo triết học xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những nhân tố hợp lý của các lý thuyết đương đại về xã hội, phát triển xã hội, học phần Triết học xã hội ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận chung trang bị những tri thức cốt yếu có tính hệ thống về quy luật và tính quy luật của sự biến đổi, phát triển xã hội Việt Nam, từ đó giúp cho nghiên cứu sinh có được cơ sở phương pháp luận trong việc phân tích, đánh giá cũng như bước đầu đề xuất các giải pháp về những vấn đề, hiện tượng, lĩnh vực, quá trình xã hội ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
51	Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và tính đặc thù	Học phần “Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và đặc thù” cung cấp kiến thức cơ bản, chuyên sâu, hệ thống và cập nhật về bản chất, đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	Học kỳ 1	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
I.2. Tự chọn					
52	Giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và vấn đề trí thức hoá giai cấp công nhân	Học phần cung cấp cho người học xu hướng tất yếu trong sự vận động và phát triển của giai cấp công nhân hiện đại.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
53	Xây dựng và phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Học phần “Xây dựng và phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” cung cấp kiến thức cơ bản, chuyên sâu, hệ thống và cập nhật trong quan niệm về phát triển toàn diện con người Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
54	CNXH Sinh thái: lịch sử và lý luận	Học phần “ <i>Chủ nghĩa xã hội sinh thái: lịch sử và lý luận</i> ” cung cấp kiến thức cơ bản, chuyên sâu, hệ thống và cập nhật về chủ nghĩa xã hội sinh thái: lịch sử hình thành và phát triển, những nội dung tư tưởng cơ bản của trào lưu tư tưởng chính trị xã hội này, một số đại biểu tiêu biểu và các xu hướng vận dụng và phát triển chủ yếu trong thế giới đương đại; Ý nghĩa vận dụng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
55	Hệ thống chính trị cơ sở: lý luận và thực tiễn	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 2	<i>Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%</i>
II. Chuyên đề NCS					
56	Chuyên đề 1		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
57	Chuyên đề 2		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
58	Chuyên đề 3		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
59	III. Tiểu luận tổng quan		2	Học kỳ 3	<i>Hội đồng chấm</i>
60	Luận án tiến sĩ		70	Học kỳ 4,5,6	
Tổng			91		

IV. *Tiêu chuẩn ngành Khoa học Thông tin – Thư viện*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử sự nghiệp thông tin - thư viện Việt Nam	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm và nội hàm sự nghiệp thông tin - thư viện - Nắm vững quá trình hình thành, phát triển sự nghiệp thông tin – thư viện Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử của dân tộc. - Hiểu rõ đặc điểm sự nghiệp thông tin – thư viện Việt Nam qua các thời kỳ trung đại, cận đại và hiện đại. - Xác định được xu thế phát triển của sự nghiệp thông tin - thư viện Việt Nam trong kỷ nguyên mới. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được sự tác động của yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội trong việc hình thành, phát triển sự nghiệp thông tin - thư viện. - Phân tích được vai trò của nhà nước, các tổ chức xã hội, tôn giáo, tư nhân... đối với sự hình thành, phát triển của thư viện Việt Nam. - Khái quát, nhận diện được các mốc quan trọng đánh dấu các giai đoạn phát triển chính trong lịch sử thư viện Việt Nam. <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng, yêu quý những kết quả mà các bậc tiền nhân đã khai mở, vun đắp cho sự nghiệp thư viện Việt Nam. - Nỗ lực học hỏi, nghiên cứu để đưa sự nghiệp thư viện Việt Nam tiến nhanh, mạnh, sớm đạt tới trình độ cao của thư viện các nước tiên tiến. 	2	Từ 15/12/2020 đến 7/1/2021	Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%
2	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện hiện đại	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lý luận chung về đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện (SP&DV TT - TV): <i>Khái niệm; Vai trò; Mục đích; Mối quan hệ đánh giá SP và đánh giá dịch vụ TT, TV</i> - Nắm vững các yếu tố tác động đến sự phát triển SP&DV TT. TV: <i>Các yếu tố bên trong và Các yếu tố bên ngoài cơ quan thông tin, thư viện</i> - Nắm vững các yếu tố tác động đến việc đánh giá SP&DV TT, TV: <i>Nhận thức của lãnh đạo; Chủ trương; Lập kế hoạch; Quy trình tổ chức; Nhân sự; Kỹ thuật; Kinh phí đầu tư; Xử lý sau đánh giá</i> - Hiểu rõ và hiểu đầy đủ các chỉ số đánh giá SP&DV TT, TV: <i>Chỉ số về mức độ đa dạng và chất lượng sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện; Chỉ số sử dụng sản phẩm & dịch vụ thông tin, thư viện; Chỉ số về mức độ hài lòng sản phẩm & dịch vụ; Chỉ số của quản lý; Chỉ số tác động đến kinh tế - xã hội</i> - Nắm vững quy trình, phương pháp thu thập thông tin và xử lý các thôn g tin để đánh giá các loại SP&DV TT, TV khác nhau khách quan <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức quy trình đánh giá sản phẩm và dịch vụ cho cơ quan TT, TV - Nhận biết nhanh các yếu tố tác động tới sự phát triển SP & DV TT, TV cũng như các yếu tố tác động đến việc đánh giá các loại hình SP&DV TT, TV khác nhau - Lý giải sâu sắc khi ra quyết định, phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan tới việc đánh giá các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện. - Phân tích, đánh giá được hiệu quả hoạt động của trung tâm thông tin - thư viện nói chung và từng loại hình SP&DV TT-TV nói riêng cho từng cơ quan TT-TV. <p>Về thái độ:</p>	2		Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%

		<ul style="list-style-type: none"> - Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện. - Có ý thức trong việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện lý luận về Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện - Có trách nhiệm trong việc triển khai hoạt động Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện cả đơn vị mình đang công tác nhằm nâng cao không ngừng hiệu quả hoạt động của cơ quan - Quan tâm tới lý luận và thực tiễn về đánh giá SP&DV TT-TV ở Việt Nam và trên thế giới 			
3	Đào tạo nguồn nhân lực thư viện số	<p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm rõ khái niệm, lịch sử phát triển và vai trò của thư viện số. - Hiểu rõ mối quan hệ giữa thư viện số và thư viện truyền thống. - Nắm được cấu trúc và thành phần của thư viện số. - Nắm được quy trình và các yêu cầu đối với việc phát triển thư viện số. - Nắm chắc quy trình triển khai thư viện số cũng như hiểu rõ những tác động ảnh hưởng đến quá trình triển khai. - Nắm vững các vấn đề liên quan đến quản trị thư viện số như: lưu trữ, bảo quản và khai thác tài liệu số, các vấn đề về an toàn và bảo mật. - Hiểu rõ các yếu tố tác động đến quá trình hoạt động của thư viện số. - Nắm vững tình hình thực trạng xây dựng thư viện số ở Việt Nam và dự đoán tương lai phát triển. - Nắm vững được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của cán bộ thư viện số. - Nắm được các yêu cầu, mục tiêu và nội dung cơ bản của chương trình đào tạo thư viện số. - Hiểu rõ thực trạng về đào tạo nguồn nhân lực ngành TTTV nói chung và đào tạo nhân lực thư viện số nói riêng tại Việt Nam. <p>Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng xây dựng một đề án hiện đại hóa thư viện và xây dựng thư viện số. - Biết cách phân tích, đánh giá một thực trạng của một cơ quan TTTV để xây dựng thư viện số. - Có khả năng đề xuất tiến trình xây dựng thư viện số tại đơn vị mình đang công tác. <p>Về Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành được cách nhìn nhận đúng đắn về ngành nghề và vai trò của người cán bộ thư viện trong việc phát triển ngành TTTV nói chung và thư viện số nói riêng. - Nhìn nhận được tầm quan trọng của thư viện số trong giai đoạn hiện nay. - Có tinh thần và thái độ tích cực trong học tập và công tác. Có ý thức rèn luyện khả năng học tập độc lập và tự học suốt đời. - Tự tin trong thảo luận và trình bày các kết quả nghiên cứu. 	2		Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện nâng cao	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lý luận chung về chung về tổng quan như Khái niệm; Mục đích; Chức năng; Đặc trưng của tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Hiểu rõ các loại hình tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện và các hình thức công bố tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Nắm chắc các yêu cầu về hình thức và nội dung của tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Hiểu rõ việc xác định tên đề tài và xây dựng kế hoạch biên soạn tổng quan, cũng như quy trình Biên soạn và tổ chức nghiệm thu tổng quanchuyên đề khoa học thông tin, thư 	3		Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%

		<p>viện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các văn bản của các cơ quan chức năng quy định trình bày Tổng quan cho Luận án tốt nghiệp - Đáp ứng tốt yêu cầu bài tập biên soạn tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện bất kỳ <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng trong việc xác định nội hàm các Khái niệm; Mục đích; Chức năng; Đặc trưng của tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Thành thạo trong việc xác định rõ các loại hình tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện và các hình thức công bố tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Lý giải sâu sắc các yêu cầu về hình thức và nội dung của tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Thành thạo trong việc xác định tên đề tài và xây dựng kế hoạch biên soạn tổng quan, cũng như quy trình Biên soạn và tổ chức nghiệm thu tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Nhanh chóng nắm bắt các văn bản của các cơ quan chức năng quy định trình bày Tổng quan cho Luận án tốt nghiệp - Dễ dàng đáp ứng tốt yêu cầu bài tập biên soạn tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện bất kỳ <p>Về thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đúng đắn sự cần thiết phải có sản phẩm tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Có trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng sản phẩm tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan - Có ý thức cao trong việc tiếp tục nghiên cứu cả về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong việc tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện - Nghiêm túc triển khai biên soạn tổng quan chuyên đề khoa học thông tin, thư viện cho luận án của mình đạt chất lượng tốt nhất. 			
5	Quản lý nhà nước đối với ngành thông tin - thư viện	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với ngành thông tin, thư viện- - Hiểu sâu nội dung quản lý nhà nước đối với ngành thông tin, thư viện - Nắm vững bộ máy quản lý nhà nước đối với ngành thông tin, thư viện <p>Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết nhanh các văn bản quy phạm pháp luật đối với ngành thông tin thư viện - Phân tích sâu sắc nội dung quản lý nhà nước với ngành thông tin thư viện thông qua việc nghiên cứu và triển khai các chính sách và chiến lược - Đánh giá được hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành thông tin thư viện <p>Về thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhận thức đúng đắn về sự lãnh đạo và quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển ngành thông tin thư viện - Có ý thức trong việc đảm bảo các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp - Có trách nhiệm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội 	2	Từ 16/12/2020 đến 8/1/2021	Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%
6	Đánh giá hệ quản trị thông tin - thư viện tích hợp	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm máy tính, các yêu cầu đặt ra đối với một phần mềm, các cách phân loại phần mềm, quá trình hình thành các phần mềm ứng dụng trong hoạt động thông tin - thư viện. - Nắm vững các đặc trưng chức năng và công nghệ của một 	2		Chuyên cần 20% - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%

		<p>hệ quản trị thư viện tích hợp, khảo cứu một trường hợp là hệ quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ từng tiêu chí của các nhóm tiêu chí đánh giá các hệ quản trị thư viện tích hợp. - Nắm vững các phương pháp đánh giá phần mềm tích hợp quản trị thư viện. Từ đó có thể tiến hành độc lập để kiểm định chất lượng của một hệ quản trị thư viện tích hợp cụ thể. <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng các tiêu chí đánh giá các loại phần mềm dùng trong công tác thư viện trong việc đánh giá và lựa chọn phần mềm thư viện. Nắm được các phương pháp đánh giá một hệ quản trị thư viện tích hợp. <p>Về thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiêm túc, năng động trong học tập, nghiên cứu khoa học cũng như trong các hoạt động nghiệp vụ thông tin - thư viện. 			
7	Sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức	<p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được những nội dung thông qua việc chỉ ra và phát biểu không cần kèm theo tài liệu: các kiến thức về quyền sở hữu trí tuệ; - Mô tả, thảo luận, cho ví dụ minh họa để giải thích bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, vai trò của sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức, các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ; - Phân tích, phân loại các trụ cột của kinh tế tri thức; - Khai thác được các thông tin sở hữu trí tuệ; - Đánh giá được những mâu thuẫn của sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức, các biện pháp chống lạm dụng sự độc quyền về sở hữu trí tuệ. <p>Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn khai thác thông tin có liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ; - Vận hành được các kỹ năng khai thác thông tin sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức, bao gồm kỹ năng “giải mã” thông tin bí mật - Reverse Engineering, kỹ năng chuyển giao thông tin sở hữu trí tuệ. <p>Về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông tin về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức; - Biết cách lựa chọn các đối tượng để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sao cho đạt hiệu quả kinh tế, hiệu quả khoa học và công nghệ; - Biết cách lựa chọn cách thức giải quyết mâu thuẫn về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức. 	2		<p>Chuyên cần 20%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: 20% - Cuối kỳ: 60%

V.

ST T	Tiến sĩ chuyên ngành Môn học	Quan hệ quốc tế Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Phương pháp luận Quan hệ quốc tế	Bổ sung kiến thức về các phương pháp, lý thuyết QHQT phục vụ cho nghiên cứu khoa học. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
2.	Chủ nghĩa khu vực: Lý luận và Thực tiễn	Bổ sung kiến thức về chủ nghĩa khu vực, những xu hướng và tác động, triển vọng. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%

3.	Lý thuyết Kinh tế chính trị quốc tế	Bổ sung kiến thức về kinh tế chính trị quốc tế, mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và chính trị cùng với sự tác động. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
4.	Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	Bổ sung kiến thức, khung lý thuyết và thực tiễn về đường lối đối ngoại của VN. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
5.	So sánh chính sách đối ngoại của các cường quốc	Bổ sung kiến thức về chính sách đối ngoại của các cường quốc trên thế giới và những xu hướng tác động. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
6.	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Á-Thái Bình Dương	Bổ sung kiến thức về QHQT ở khu vực CA-TBD, các xu hướng, tác động và triển vọng. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
7.	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Âu	Bổ sung kiến thức về QHQT ở khu vực châu Âu. Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
8.	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Mỹ	Bổ sung kiến thức về khu vực châu Mỹ và QHQT ở khu vực này Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
9.	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Phi và Trung Đông	Bổ sung kiến thức về xu hướng và các vấn đề trong QHQT ở Châu Phi và Trung Đông Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra	3	Theo kế hoạch năm học (<i>Học trong năm thứ nhất của NCS</i>)	Chuyên cần: 10%; Giữa kỳ: 30%; Cuối kỳ: 60%
10	Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài	Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Góp ý thêm cho bản thảo luận án	2	Theo kế hoạch năm học và tiến độ thực tế của học viên	Tiểu ban chuyên môn do Khoa thành lập để đánh giá, góp ý
11.	Chuyên đề 1	Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Góp ý thêm cho bản thảo luận án	2	Theo kế hoạch năm học và tiến độ thực tế của học viên	Tiểu ban chuyên môn do Khoa thành lập để đánh giá, góp ý
12.	Chuyên đề 2	Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Góp ý thêm cho bản thảo luận án	2	Theo kế hoạch năm học và tiến độ thực tế của học viên	Tiểu ban chuyên môn do Khoa thành lập để đánh giá, góp ý
13.	Chuyên đề 3	Tích lũy điểm Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Góp ý thêm cho bản thảo luận án	2	Theo kế hoạch năm học và tiến độ thực tế của học viên	Tiểu ban chuyên môn do Khoa thành lập để đánh giá, góp ý
14.	Luận án Tiến sĩ	Góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra Hoàn thành khóa học và đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên.	70	Theo kế hoạch năm học và tiến độ thực tế của học viên	Hội đồng đánh giá luận án do Nhà trường thành lập qua các cấp theo quy định.

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số	Lịch trình giảng	Phương pháp đánh
Chuyên ngành Lí luận					
1	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam	<p>Giới thiệu lý thuyết loại hình học và việc vận dụng lý thuyết đó trong nghiên cứu văn học sử. Cung cấp cho học viên những tri thức về đội ngũ tác giả, nhà nho từng sống và sáng tác trong lịch sử văn học Việt Nam; hệ thống hoá và phân loại họ theo những tiêu chí loại hình; trình bày những đặc điểm mang tính loại hình của ba loại nhà nho từ góc độ chính trị- xã hội và từ góc độ văn học sử.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Học viên sau khi học xong chuyên đề này phải có khả năng phân biệt và xếp loại được từng tác giả nhà nho vào loại hình mà họ thuộc về. Đối với các tác giả mang những đặc điểm loại hình pha tạp, học viên cần phải biết bóc tách những đặc điểm và thuộc tính cá nhân của họ để nhận định sự tòng thuộc của họ đối với hệ thống các loại hình đã được phân biệt về mặt lý thuyết.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
2	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa	<p>Mục tiêu kiến thức: hệ thống hoá kiến thức văn học trung đại và những vấn đề cơ bản của văn hoá Việt Nam truyền thống; nắm bắt được đặc trưng của các phương pháp tiếp cận khác nhau có ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam như phương pháp xã hội học chính trị, phương pháp hình thức thi pháp và phương pháp tiếp cận văn hoá .</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Biết vận dụng phương pháp tiếp cận văn hoá để phân tích, giải mã các tác phẩm văn học trung đại và cả các tác phẩm văn học Việt Nam ở các giai đoạn khác.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
3	Các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian	<p>Học phần này tìm hiểu các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian từ thế kỷ XIX cho đến nay. Qua việc tìm hiểu các lý thuyết folklore thế giới, học phần này cũng tìm hiểu những xu hướng nghiên cứu văn học dân gian tại Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Khoa nghiên cứu văn học dân gian thế giới được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIX, bắt đầu từ những nghiên cứu của anh em Grimm về truyện kể dân gian (được xuất bản vào các năm 1812, 1822). Ngoài trường phái Thần thoại học mà anh em Grimm khởi xướng, vào thế kỷ XIX, trên thế giới đã hình thành các trường phái nghiên cứu văn học dân gian khác nhau như: trường phái Ấn Độ (Indianology School), trường phái Lịch sử địa lý (hay còn gọi là trường phái Phần Lan – Finnish School). Đến thế kỷ XX, các trường phái nghiên cứu văn học dân gian có ảnh hưởng lớn là: trường phái loại hình học cấu trúc (với đại diện là Levi Strauss, Stith Thompson), trường phái Loại hình học lịch sử (với đại diện là I.Propp, và Alan Dundes). Hiện nay, lý thuyết điển xướng với hướng tiếp cận nhân học văn hóa (do Richard Bauman đề xuất) đang là lý thuyết hết sức</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
4	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình	<p>Mục tiêu kiến thức: Chuyên đề này nhằm cung cấp cho học viên một phương pháp tiếp cận văn học dân gian hiện đang ứng dụng rộng rãi trên thế giới.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Học viên có khả năng ứng dụng những lý thuyết về loại hình học để phân tích, lý giải những hiện tượng và tác phẩm văn học dân gian</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
5	Văn học Nga hải ngoại - sáng tạo và tiếp nhận	<p>Về kiến thức: Nắm được những quy luật phát triển của Văn học Nga hải ngoại (sự tích hợp các giá trị truyền thống của văn học dân tộc Nga và giá trị của văn học xã hội nhập cư; sự khuyếch tán, ảnh hưởng trở lại đối</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>với sự phát triển văn học dân tộc Nga và văn học thế giới), những đặc điểm sáng tác của một số tác giả tiêu biểu và những xu hướng tiếp nhận chúng trong giới phê bình và độc giả</p> <p>Về kỹ năng: Thông qua các bài thuyết trình, seminar, tiểu luận, học viên rèn luyện kỹ năng vận dụng nguyên tắc tiếp cận hệ thống (systematic approach), tiếp cận giá trị (axiological approach) và quan điểm lịch sử (historism) để nghiên cứu trường hợp (case study)</p>			
6	Thơ Xuân Diệu và một số đặc điểm thi pháp thơ lãng mạn	<p>Mục tiêu kiến thức: trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp văn học và những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm thi pháp thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám (<i>Thơ thơ</i> và <i>Gửi hương cho gió</i>) nói riêng và trào lưu thơ ca lãng mạn 1932 – 1945 nói chung.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: vận dụng lý thuyết và những thao tác của thi pháp học để phân tích, so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của thơ Xuân Diệu trong tương quan với phong trào thơ mới.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
7	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại	<p>Về kiến thức:Giúp học viên nhận thức được sự phát triển của tư duy lý luận văn học từ hiện đại đến hậu hiện đại.Chỉ ra những đặc điểm của tư duy lý luận văn học trong quan hệ với tư duy triết học.Mở ra những khả năng và giới hạn của lý luận văn học hiện đại, hậu hiện đại trong hệ thống các khoa học văn học.</p> <p>Về kỹ năng:Thông qua các buổi giảng, cung cấp các tri thức về lý luận văn học liên quan đến quá trình phát triển của khoa học văn học nói chung và lý luận văn học nói riêng. Qua đó giúp học viên nhận thức được sâu hơn về bản chất và đối tượng của lý thuyết văn học, tăng cường tư duy khái quát, khả năng lấy vấn đề và giải quyết vấn đề trên bình diện lý luận.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
8	Lịch sử phê bình văn học phương Tây	<p>Giới thiệu phê bình văn học phương Tây: quá trình hình thành và phát triển. Hoạt động của phê bình văn học thế kỉ XX: những trào lưu, chủ nghĩa lớn của phê bình văn học: chủ nghĩa cấu trúc và phê bình chủ đề, phê bình Mới, phê bình phân tâm học, phê bình kí hiệu,... Các tác gia lớn: Barthes, Lévi-Strauss, G.Deleuze, Genette, Tadié, Kristeva, Greimas, Todorov, và các công trình tiêu biểu của họ. Ứng dụng lí thuyết vào phân tích văn bản nghệ thuật (phát văn bản phê bình cho học viên để thảo luận).</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
9	Tiếp nhận văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc ở Việt Nam	<p>Diện mạo văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam luôn có sự khác biệt nhất định với lịch sử văn học Trung Quốc thế kỷ XX tại chính quốc gia và nền văn hoá sản sinh ra nó. Việc nhận diện ra được sự khác biệt này là điểm mấu chốt để hiểu được quá trình dịch thuật đã tác động thế nào đến việc tái cấu trúc lại nền văn học nguồn trong bối cảnh văn hoá đích. Bản thân lịch sử văn học được hình thành nên từ kênh dịch thuật cũng có những quy luật tiếp nhận mang ý nghĩa nội tại của nó. Chuyên đề này sẽ tìm hiểu sự khác biệt trong diện mạo của văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam cũng như những quy luật phát triển nội tại của văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam. Chuyên đề này cũng đi sâu nghiên cứu các trường hợp tiếp nhận tiêu biểu để chỉ ra quy luật phát triển nội tại đó.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	<p>Học viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết ở Việt Nam</p> <p>Học viên nắm được những đặc trưng thẩm mỹ của tiểu thuyết Việt Nam. Những thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Học viên phải hiểu được những đặc</p>	2	1	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		trung của thể loại tiểu thuyết và biết vận dụng lý thuyết thể loại để làm rõ những vấn đề của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại			
11	Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam	Học phần hướng học viên cao học tìm hiểu và nhận thức được các đặc trưng thẩm mỹ của văn học trung đại, thông qua đó hiểu sâu hơn về văn học trung đại nói riêng và lịch sử mỹ học Việt Nam nói chung. Học phần cũng cung cấp cho người học một cách nhìn, một hướng tiếp cận đối với văn học, nghệ thuật nói chung để học viên có thể mở rộng cho các đối tượng khác thuộc về văn học nghệ thuật của Việt Nam, trung đại và cận hiện đại.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Thời gian trong truyện kể	Hiểu và nắm được lý thuyết về các cấp độ thời gian trong sáng tác văn học; Hiểu và nắm được tầm quan trọng của thời gian trong sáng tác của Proust: người mở đường cho sáng tác tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX; Mục tiêu về kỹ năng của người học cần đạt được: Ứng dụng được lý thuyết về thời gian để phân tích văn bản nghệ thuật. Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp (có thể viết nghiên cứu, phê bình, dạy học);	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Phương pháp luận NCVH	Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu văn học, những vấn đề lý thuyết, những thao tác thực hành, cho học viên cao học và NCS. Nắm vững và ứng dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu vào những trường hợp cụ thể trong thực	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật	Trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và hiện đại về năng lực và phẩm chất người nghệ sĩ, những hoạt động tâm lý của họ trong sáng tạo nghệ thuật, từ cảm thụ thẩm mỹ trong đời sống đến rung động sáng tạo, từ khởi nguồn cảm hứng sáng tạo đến lúc hoàn thành tác phẩm. Từ những hiểu biết sâu sắc về quá trình tâm lý của nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật, học viên biết vận dụng vào thực tiễn sáng tạo để nghiên cứu các tác giả và tác phẩm nghệ thuật, cắt nghĩa được bản chất của nghệ thuật và thiên chức nghệ sĩ. Đề xuất được những định hướng bồi dưỡng tài năng nghệ thuật, phát triển các năng khiếu nghệ thuật của các đối tượng học sinh, sinh viên, học viên Nội dung học phần: Khác với tâm lý học phổ quát, tâm lý học sáng tạo văn học chỉ giới hạn phạm vi và hướng tiếp cận của nó ở đời sống và tâm lý sáng tạo của nhà văn, những quy luật của quá trình sáng tạo tác phẩm. Vì vậy, ngoài phương pháp luận của tâm lý học, nó còn sử dụng cả phương pháp luận của mỹ học, của nghiên cứu văn học và nhiều khoa học liên ngành khác. Những kiến thức học viên thu nhận được là bản chất năng lực của nhà văn, cơ chế hoạt động của tâm lý nhà văn trong quá trình tiếp cận đời sống, quá trình chuẩn bị và sáng tạo tác phẩm, nghĩa là toàn bộ kinh nghiệm sáng tác xét từ phương diện tâm lý và hoạt động của tư duy. Nội dung chính: sự hình thành tài năng văn học; quá trình tiếp cận đời sống; từ rung động đến sáng tạo; yếu tố ý thức, yếu tố tự sinh và yếu tố vô thức trong sáng tạo văn học; quá trình sáng tạo với ý đồ và nội dung tâm trạng, sự tập trung các yếu tố nội dung và hình thức, hành trình đi vào thế giới nghệ thuật.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Chuyên ngành Văn học nước ngoài					
1	Loại hình học tác giả văn học	Giới thiệu lý thuyết loại hình học và việc vận dụng lý thuyết đó trong nghiên cứu văn học sử. Cung cấp cho	2	2	Chuyên cần: 10%

	trong văn học trung đại Việt Nam	<p>học viên những tri thức về đội ngũ tác giả, nhà nho từng sống và sáng tác trong lịch sử văn học Việt Nam; hệ thống hoá và phân loại họ theo những tiêu chí loại hình; trình bày những đặc điểm mang tính loại hình của ba loại nhà nho từ góc độ chính trị- xã hội và từ góc độ văn học sử.</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Học viên sau khi học xong chuyên đề này phải có khả năng phân biệt và xếp loại được từng tác giả nhà nho vào loại hình mà họ thuộc về. Đối với các tác giả mang những đặc điểm loại hình pha tạp, học viên cần phải biết bóc tách những đặc điểm và thuộc tính cá nhân của họ để nhận định sự tòng thuộc của họ đối với hệ thống các loại hình đã được phân biệt về mặt lý thuyết.</p>			Thi cuối kỳ: 60%
2	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa	<p>Mục tiêu kiến thức: hệ thống hoá kiến thức văn học trung đại và những vấn đề cơ bản của văn hoá Việt Nam truyền thống; nắm bắt được đặc trưng của các phương pháp tiếp cận khác nhau có ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam như phương pháp xã hội học chính trị, phương pháp hình thức thi pháp và phương pháp tiếp cận văn hoá .</p> <p>Mục tiêu kỹ năng: Biết vận dụng phương pháp tiếp cận văn hoá để phân tích, giải mã các tác phẩm văn học trung đại và cả các tác phẩm văn học Việt Nam ở các giai đoạn khác.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
3	Kịch phương Tây - một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại	<p>Dẫn nhập: tìm hiểu định nghĩa về kịch, một số hình thức kịch tiêu biểu (bi kịch, hài kịch...)</p> <p>Khái quát tiến trình văn học sử của kịch Phương Tây: cung cấp cho người học một cái nhìn khái quát theo chiều lịch đại của kịch Phương Tây qua các giai đoạn từ cổ điển đến hiện đại như: kịch cổ điển Phương Tây; sự phát triển của kịch từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX; kịch Phương Tây thế kỉ XX và một số khuynh hướng đương đại. Trong phần này, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu sẽ được tìm hiểu và phân tích.</p> <p>Một số vấn đề lí luận của kịch Phương Tây: những vấn đề nội tại của kịch (lời thoại, chỉ dẫn sân khấu, hành động kịch, xung đột kịch; những thể loại quan trọng của kịch Phương Tây) và kịch trong mối quan hệ với những phương pháp sáng tác.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
4	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình	<p>Mục tiêu kiến thức: Chuyên đề này nhằm cung cấp cho học viên một phương pháp tiếp cận văn học dân gian hiện đang ứng dụng rộng rãi trên thế giới.</p> <p>Mục tiêu kĩ năng: Học viên có khả năng ứng dụng những lý thuyết về loại hình học để phân tích, lý giải những hiện tượng và tác phẩm văn học dân gian</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
5	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa.	<p>Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian là một đề tài vừa có tính chất lý thuyết vừa có tính thực tiễn và mới mẻ. Nó thể hiện một hướng mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học dân gian.</p> <p>Trong chuyên đề này, chúng tôi cố gắng xây dựng khung lý thuyết, nêu phương pháp tiếp cận và thể nghiệm trên một số đề tài cụ thể nhằm tạo dựng một hướng đi vững chắc và có cơ sở khoa học trong nghiên cứu văn học dân gian. Chuyên đề gồm có 8 chương.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
6	Tiểu thuyết cổ điển Nga - Những vấn đề thi pháp thể loại	<p>Tóm tắt nội dung học phần: Thế kỷ XIX, giai đoạn cổ điển trong sự phát triển văn học, đánh dấu sự phát triển rực rỡ của văn học Nga với những tên tuổi các nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch có tầm ảnh hưởng to lớn không chỉ trong tiến trình phát triển tiếp theo của văn học dân tộc mà của cả văn học thế giới. Tiểu thuyết là thể loại sáng tác chủ đạo của giai đoạn văn học này. Bắt đầu định hình về thể loại từ tiểu thuyết của Puskin,</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

		Lermontov, Gogol, trong khoảng 50 năm, tiểu thuyết Nga đã phát triển với nhiều dạng thức khác nhau mang dấu ấn của từng cá tính sáng tạo. Vận dụng phương pháp so sánh - loại hình và tiếp cận thi pháp học, chuyên đề cung cấp cái nhìn hệ thống về một số đặc điểm cấu trúc điển hình của tiểu thuyết cổ điển Nga - những đặc điểm được xem là "thước đo bên trong" của thể loại tiểu thuyết, nổi bật nhất là mô hình cốt truyện, mô hình nhân vật và ngôn từ tiểu thuyết. Các tác phẩm được chọn cho việc nghiên cứu trường hợp đều là những "cột mốc" quan trọng trong tiến trình vận động thể loại.			
7	Văn học Nga hải ngoại - sáng tạo và tiếp nhận	Về kiến thức: Nắm được những quy luật phát triển của Văn học Nga hải ngoại (sự tích hợp các giá trị truyền thống của văn học dân tộc Nga và giá trị của văn học xã hội nhập cư; sự khuyếch tán, ảnh hưởng trở lại đối với sự phát triển văn học dân tộc Nga và văn học thế giới), những đặc điểm sáng tác của một số tác giả tiêu biểu và những xu hướng tiếp nhận chúng trong giới phê bình và độc giả Về kỹ năng: Thông qua các bài thuyết trình, seminar, tiểu luận, học viên rèn luyện kỹ năng vận dụng nguyên tắc tiếp cận hệ thống (systematic approach), tiếp cận giá trị (axiological approach) và quan điểm lịch sử (historism) để nghiên cứu trường hợp (case study)	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại	Về kiến thức:Giúp học viên nhận thức được sự phát triển của tư duy lý luận văn học từ hiện đại đến hậu hiện đại.Chỉ ra những đặc điểm của tư duy lý luận văn học trong quan hệ với tư duy triết học.Mở ra những khả năng và giới hạn của lý luận văn học hiện đại, hậu hiện đại trong hệ thống các khoa học văn học. Về kỹ năng:Thông qua các buổi giảng, cung cấp các tri thức về lý luận văn học liên quan đến quá trình phát triển của khoa học văn học nói chung và lý luận văn học nói riêng. Qua đó giúp học viên nhận thức được sâu hơn về bản chất và đối tượng của lý thuyết văn học, tăng cường tư duy khái quát, khả năng lấy vấn đề và giải quyết vấn đề trên bình diện lý luận.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
9	Lịch sử phê bình văn học phương Tây	Giới thiệu phê bình văn học phương Tây: quá trình hình thành và phát triển. Hoạt động của phê bình văn học thế kỉ XX: những trào lưu, chủ nghĩa lớn của phê bình văn học: chủ nghĩa cấu trúc và phê bình chủ đề, phê bình Mới, phê bình phân tâm học, phê bình kí hiệu,... Các tác gia lớn: Barthes, Lévi-Strauss, G.Deleuze, Genette, Tadié, Kristeva, Greimas, Todorov, và các công trình tiêu biểu của họ. Ứng dụng lí thuyết vào phân tích văn bản nghệ thuật (phát văn bản phê bình cho học viên để thảo luận).	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10	Tiếp nhận văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc ở Việt Nam	Diện mạo văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam luôn có sự khác biệt nhất định với lịch sử văn học Trung Quốc thế kỷ XX tại chính quốc gia và nền văn hoá sản sinh ra nó. Việc nhận diện ra được sự khác biệt này là điểm mấu chốt để hiểu được quá trình dịch thuật đã tác động thế nào đến việc tái cấu trúc lại nền văn học nguồn trong bối cảnh văn hoá đích. Bản thân lịch sử văn học được hình thành nên từ kênh dịch thuật cũng có những quy luật tiếp nhận mang ý nghĩa nội tại của nó. Chuyên đề này sẽ tìm hiểu sự khác biệt trong diện mạo của văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam cũng như những quy luật phát triển nội tại của văn học Trung Quốc thế kỷ XX ở Việt Nam. Chuyên đề này cũng đi sâu nghiên cứu các trường hợp tiếp nhận tiêu biểu để chỉ ra quy luật phát triển nội tại đó.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

11	Mỹ học Ấn Độ cổ điển và ảnh hưởng đối với văn học Việt Nam	Tóm tắt nội dung học phần: Hệ thống hóa và lý giải các khái niệm, thuật ngữ cơ bản trong các tác phẩm thi pháp học kinh điển của Ấn Độ: Natyasastra, Dhvanyaloka, Alankarakavya và so sánh với những khái niệm được đề cập đến trong Văn tâm điều long (Lưu Hiệp), Thi pháp học (Aristotle); so sánh để tìm thấy sự tương đồng giữa các khái niệm cơ bản; khái quát và lý giải những điểm tương đồng; áp dụng nội hàm của các khái niệm để khảo sát, nghiên cứu trường hợp (với những tác phẩm văn học của văn học Việt Nam qua các thời kỳ) theo hướng văn hóa học.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	Học viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết ở Việt Nam. Học viên nắm được những đặc trưng thẩm mỹ của tiểu thuyết Việt Nam. Những thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam Mục tiêu kỹ năng: Học viên phải hiểu được những đặc trưng của thể loại tiểu thuyết và biết vận dụng lý thuyết thể loại để làm rõ những vấn đề của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Thời gian trong truyện kể	Hiểu và nắm được lí thuyết về các cấp độ thời gian trong sáng tác văn học; Hiểu và nắm được tầm quan trọng của thời gian trong sáng tác của Proust: người mở đường cho sáng tác tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX; Mục tiêu về kĩ năng của người học cần đạt được: Ứng dụng được lí thuyết về thời gian để phân tích văn bản nghệ thuật. Có các kĩ năng thực tiễn về nghề nghiệp (có thể viết nghiên cứu, phê bình, dạy học);	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Phương pháp luận NCVH	Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu văn học, những vấn đề lý thuyết, những thao tác thực hành, cho học viên cao học và NCS. Nắm vững và ứng dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu vào những trường hợp cụ thể trong thực	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Chuyên ngành Văn học Dân gian					
1	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam	Giới thiệu lý thuyết loại hình học và việc vận dụng lý thuyết đó trong nghiên cứu văn học sử. Cung cấp cho học viên những tri thức về đội ngũ tác giả, nhà nho từng sống và sáng tác trong lịch sử văn học Việt Nam; hệ thống hoá và phân loại họ theo những tiêu chí loại hình; trình bày những đặc điểm mang tính loại hình của ba loại nhà nho từ góc độ chính trị- xã hội và từ góc độ văn học sử. Mục tiêu kỹ năng: Học viên sau khi học xong chuyên đề này phải có khả năng phân biệt và xếp loại được từng tác giả nhà nho vào loại hình mà họ thuộc về. Đối với các tác giả mang những đặc điểm loại hình pha tạp, học viên cần phải biết bóc tách những đặc điểm và thuộc tính cá nhân của họ để nhận định sự tòng thuộc của họ đối với hệ thống các loại hình đã được phân biệt về mặt lý thuyết.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa	Mục tiêu kiến thức: hệ thống hoá kiến thức văn học trung đại và những vấn đề cơ bản của văn hoá Việt Nam truyền thống; nắm bắt được đặc trưng của các phương pháp tiếp cận khác nhau có ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam như phương pháp xã hội học chính trị, phương pháp hình thức thi pháp và phương pháp tiếp cận văn hoá . Mục tiêu kỹ năng: Biết vận dụng phương pháp tiếp cận văn hoá để phân tích, giải mã các tác phẩm văn học trung đại và cả các tác phẩm văn học Việt Nam ở các	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		giai đoạn khác.			
3	Các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian	Học phần này tìm hiểu các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian từ thế kỷ XIX cho đến nay. Qua việc tìm hiểu các lý thuyết folklore thế giới, học phần này cũng tìm hiểu những xu hướng nghiên cứu văn học dân gian tại Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Khoa nghiên cứu văn học dân gian thế giới được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIX, bắt đầu từ những nghiên cứu của anh em Grimm về truyện kể dân gian (được xuất bản vào các năm 1812, 1822). Ngoài trường phái Thần thoại học mà anh em Grimm khởi xướng, vào thế kỷ XIX, trên thế giới đã hình thành các trường phái nghiên cứu văn học dân gian khác nhau như: trường phái Ấn Độ (Indianology School), trường phái Lịch sử địa lý (hay còn gọi là trường phái Phần Lan – Finnish School). Đến thế kỷ XX, các trường phái nghiên cứu văn học dân gian có ảnh hưởng lớn là: trường phái loại hình học cấu trúc (với đại diện là Levi Strauss, Stith Thompson), trường phái Loại hình học lịch sử (với đại diện là I. Propp, và Alan Dundes). Hiện nay, lý thuyết diễn xướng với hướng tiếp cận nhân học văn hóa (do Richard Bauman đề xuất) đang là lý thuyết hết sức	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình	Chuyên đề này nhằm cung cấp cho học viên một phương pháp tiếp cận văn học dân gian hiện đang ứng dụng rộng rãi trên thế giới. Nội dung chuyên đề gồm 2 phần. Phần I là những vấn đề lí luận chung như: Loại hình, loại hình học và phương pháp loại hình học trong khoa văn học dân gian. Những yếu tố loại hình học trong các công trình nghiên cứu của các nhà văn học dân gian thế kỉ XX ở Bắc Âu, Nga và Bắc Mỹ. Phần II chiếm thời lượng nhiều hơn trong bài giảng. Đó là việc vận dụng phương pháp loại hình học trong nghiên cứu một số hiện tượng và tác phẩm văn học dân gian Việt Nam như: việc phân chia các loại, thể loại, tiểu loại, các kiểu truyện cơ bản, các motif cấu thành của một tác phẩm. Vì đây là chuyên đề cao học cho nên người giảng cố gắng cập nhật thông tin, đặc biệt là những tranh luận về học thuật để rèn luyện cho học viên phương pháp tư duy, khả năng tổng hợp tư liệu và giải quyết những vấn đề khoa học phức tạp.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Mối quan hệ giữa folklore và văn học	Học phần này cung cấp những hiểu biết về mối quan hệ giữa folklo và văn học cả theo chiều lịch đại và chiều đồng đại nhằm giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong việc phân tích các tác phẩm đặc biệt sản phẩm của mối quan hệ giữa folklo và văn học viết. Các nội dung chính của học phần bao gồm: Một số vấn đề lý luận chung về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết; Sự biểu hiện của mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết trong lịch sử văn học dân tộc (với các phân tích cụ thể về các tác phẩm văn học, văn học dân gian từ thời trung đại cho đến thời hiện đại).	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa.	Học phần này cung cấp một phương thức tiếp cận di sản văn hóa dân gian, nhìn văn học dân gian trong mối quan hệ với tổng thể nền văn hóa và như là một thành phần của nền văn hóa nhằm giúp cho sinh viên áp dụng kiến thức đã học để có được một cái nhìn mang tính liên ngành khi phân tích, lý giải các hiện tượng văn hóa dân gian. Một trong những đặc điểm quan trọng của văn học dân gian chính là tính nguyên hợp. Trong thực tế, văn học dân gian không tồn tại một cách cô lập với tư cách là	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p>một sáng tạo nghệ thuật ngôn từ mà luôn hòa trộn trong các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật khác. Học phần cung cấp những chìa khóa cơ bản để tìm hiểu tính nguyên hợp của văn hóa dân gian bằng cách đặt sáng tác văn hóa dân gian trong quan hệ với tổng thể nền văn hóa và với những bộ phận khác nhau của nền văn hóa như những thiết chế văn hóa, các giá trị văn hóa và các ngành nghệ thuật làm nên nền văn hóa cũng như những cấu trúc sinh hoạt đặc thù cấu thành nên văn hóa.</p>			
7	Lịch sử sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam	<p>Ở các nước châu Âu và một số nước ở châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, việc sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian được diễn ra sớm hơn. Ở Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, những tư liệu và việc nghiên cứu văn học dân gian từ thời Hùng Vương cho đến trước thế kỷ XX hầu như không còn tư liệu hiện hữu. Người đời sau chỉ có thể hiểu về nó thông qua các di chỉ khảo cổ hoặc các thư tịch gián tiếp. Cho đến nay vẫn bản còn chứa đựng những cốt truyện văn học dân gian sớm nhất là Việt điện U Linh của Lý Tế Xuyên (lời tựa viết năm 1329), còn ca dao, dân ca thì việc sưu tầm, nghiên cứu được tiến hành muộn hơn (khoảng thế kỷ XVIII, XIX). Từ khi Pháp sang xâm lược nước ta (1858 - 1945) tình hình sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian bước sang một giai đoạn mới là có sự giao lưu văn hoá Đông Tây. Từ 1945 đến nay là giai đoạn đặc biệt có sự chuẩn bị và việc hình thành khoa học văn học dân gian ở Việt Nam. Đó là những mốc quan trọng trong quá trình sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian ở Việt Nam.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
8	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại	<p>Về kiến thức:Giúp học viên nhận thức được sự phát triển của tư duy lý luận văn học từ hiện đại đến hậu hiện đại.Chỉ ra những đặc điểm của tư duy lý luận văn học trong quan hệ với tư duy triết học.Mở ra những khả năng và giới hạn của lý luận văn học hiện đại, hậu hiện đại trong hệ thống các khoa học văn học.</p> <p>Về kỹ năng:Thông qua các buổi giảng, cung cấp các tri thức về lý luận văn học liên quan đến quá trình phát triển của khoa học văn học nói chung và lý luận văn học nói riêng. Qua đó giúp học viên nhận thức được sâu hơn về bản chất và đối tượng của lý thuyết văn học, tăng cường tư duy khái quát, khả năng lấy vấn đề và giải quyết vấn đề trên bình diện lý luận.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
9	Nghiên cứu diễn xướng dân gian: lý thuyết và thực tiễn	<p>Ở Việt Nam, khoa nghiên cứu văn học dân gian trong những năm gần đây đã có sự chuyển đổi từ hướng tiếp cận ngữ văn dân gian sang hướng tiếp cận diễn xướng dân gian. Tác phẩm văn học dân gian không chỉ được nghiên cứu từ góc độ văn bản mà còn được tìm hiểu trong quá trình diễn xướng, trong tính bối cảnh cụ thể của nó. Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản cho học viên về lý thuyết diễn xướng – lý thuyết được Richard Bauman khởi xướng, giúp cho học viên có khả năng vận dụng lý thuyết này vào phân tích những hiện tượng văn học dân gian cụ thể, đồng thời giới thiệu tới học viên những loại hình nghệ thuật diễn xướng tiêu biểu trên thế giới và ở Việt Nam.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam	<p>Học phần hướng học viên cao học tìm hiểu và nhận thức được các đặc trưng thẩm mỹ của văn học trung đại, thông qua đó hiểu sâu hơn về văn học trung đại nói riêng và lịch sử mỹ học Việt Nam nói chung. Học phần cũng cung cấp cho người học một cách nhìn, một hướng tiếp cận đối với văn học, nghệ thuật nói chung để học viên có thể mở rộng cho các đối tượng khác thuộc về văn học nghệ thuật của Việt Nam, trung đại</p>	2	1	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

		và cận hiện đại.			
11	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	Học viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết ở Việt Nam. Học viên nắm được những đặc trưng thẩm mỹ của tiểu thuyết Việt Nam. Những thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam Mục tiêu kỹ năng: Học viên phải hiểu được những đặc trưng của thể loại tiểu thuyết và biết vận dụng lý thuyết thể loại để làm rõ những vấn đề của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Thời gian trong truyện kể	Hiểu và nắm được lý thuyết về các cấp độ thời gian trong sáng tác văn học; Hiểu và nắm được tầm quan trọng của thời gian trong sáng tác của Proust: người mở đường cho sáng tác tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX; Mục tiêu về kỹ năng của người học cần đạt được: Ứng dụng được lý thuyết về thời gian để phân tích văn bản nghệ thuật. Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp (có thể viết nghiên cứu, phê bình, dạy học);	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Phương pháp luận NCVH	Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu văn học, những vấn đề lý thuyết, những thao tác thực hành, cho học viên cao học và NCS. Nắm vững và ứng dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu vào những trường hợp cụ thể trong thực	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Chuyên ngành Văn học Việt Nam					
1	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam	Giới thiệu lý thuyết loại hình học và việc vận dụng lý thuyết đó trong nghiên cứu văn học sử. Cung cấp cho học viên những tri thức về đội ngũ tác giả, nhà nho từng sống và sáng tác trong lịch sử văn học Việt Nam; hệ thống hoá và phân loại họ theo những tiêu chí loại hình; trình bày những đặc điểm mang tính loại hình của ba loại nhà nho từ góc độ chính trị- xã hội và từ góc độ văn học sử. Mục tiêu kỹ năng: Học viên sau khi học xong chuyên đề này phải có khả năng phân biệt và xếp loại được từng tác giả nhà nho vào loại hình mà họ thuộc về. Đối với các tác giả mang những đặc điểm loại hình pha tạp, học viên cần phải biết bóc tách những đặc điểm và thuộc tính cá nhân của họ để nhận định sự tòng thuộc của họ đối với hệ thống các loại hình đã được phân biệt về mặt lý thuyết.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa	Mục tiêu kiến thức: hệ thống hoá kiến thức văn học trung đại và những vấn đề cơ bản của văn hoá Việt Nam truyền thống; nắm bắt được đặc trưng của các phương pháp tiếp cận khác nhau có ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam như phương pháp xã hội học chính trị, phương pháp hình thức thi pháp và phương pháp tiếp cận văn hoá . Mục tiêu kỹ năng: Biết vận dụng phương pháp tiếp cận văn hoá để phân tích, giải mã các tác phẩm văn học trung đại và cả các tác phẩm văn học Việt Nam ở các giai đoạn khác.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian	Học phần này tìm hiểu các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian từ thế kỷ XIX cho đến nay. Qua việc tìm hiểu các lý thuyết folklore thế giới, học phần này cũng tìm hiểu những xu hướng nghiên cứu văn học dân gian tại Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Khoa nghiên cứu văn học dân gian thế giới được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIX, bắt đầu từ những nghiên cứu của anh em Grimm về truyện kể dân gian (được xuất bản vào các năm 1812, 1822). Ngoài trường phái Thần thoại	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		học mà anh em Grimm khởi xướng, vào thế kỷ XIX, trên thế giới đã hình thành các trường phái nghiên cứu văn học dân gian khác nhau như: trường phái Ấn Độ (Indianology School), trường phái Lịch sử địa lý (hay còn gọi là trường phái Phần Lan – Finnish School). Đến thế kỷ XX, các trường phái nghiên cứu văn học dân gian có ảnh hưởng lớn là: trường phái loại hình học cấu trúc (với đại diện là Levi Strauss, Stith Thompson), trường phái Loại hình học lịch sử (với đại diện là I. Propp, và Alan Dundes). Hiện nay, lý thuyết diễn xướng với hướng tiếp cận nhân học văn hóa (do Richard Bauman đề xuất) đang là lý thuyết hết sức thịnh hành.			
4	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình	Mục tiêu kiến thức: Chuyên đề này nhằm cung cấp cho học viên một phương pháp tiếp cận văn học dân gian hiện đang ứng dụng rộng rãi trên thế giới. Mục tiêu kỹ năng: Học viên có khả năng ứng dụng những lý thuyết về loại hình học để phân tích, lý giải những hiện tượng và tác phẩm văn học dân gian	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Mối quan hệ giữa folklore và văn học	Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp những hiểu biết về mối quan hệ giữa folklo và văn học cả theo chiều lịch đại và chiều đồng đại. Mục tiêu về kỹ năng: Có định hướng đúng đắn trong việc phân tích các tác phẩm đặc biệt sản phẩm của mối quan hệ giữa folklo và văn học viết.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa.	Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian là một đề tài vừa có tính chất lý thuyết vừa có tính thực tiễn và mới mẻ. Nó thể hiện một hướng mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học dân gian. Trong chuyên đề này, chúng tôi cố gắng xây dựng khung lý thuyết, nêu phương pháp tiếp cận và thể nghiệm trên một số đề tài cụ thể nhằm tạo dựng một hướng đi vững chắc và có cơ sở khoa học trong nghiên cứu văn học dân gian. Chuyên đề gồm có 8 chương.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Các vấn đề về nghiên cứu phong cách tác giả - trường hợp Nguyễn Tuân	Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu phong cách tác giả, ứng dụng trên một trường hợp mang tính điển hình của văn học hiện đại Việt Nam. Mục tiêu về kỹ năng: Có khả năng áp dụng những kiến thức về phương pháp đã được học để phân tích các hiện tượng văn học theo tiếp cận phong cách tác giả. Thuật ngữ “phong cách” là những quan niệm khác nhau về phong cách văn học. Những yếu tố tác động đến sự chuyển biến phong cách cá nhân. Một cái tôi độc đáo, tài hoa và sự chuyển biến từ cái tôi cá nhân cực đoan đến cái tôi công dân nghệ sĩ. Nguyễn Tuân và cái đẹp. Những hình tượng quen thuộc và ý nghĩa thẩm mỹ của nó trong sáng tác của Nguyễn Tuân.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Thơ Xuân Diệu và một số đặc điểm thi pháp thơ lãng mạn	Mục tiêu kiến thức: trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp văn học và những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm thi pháp thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám (<i>Thơ thơ</i> và <i>Gửi hương cho gió</i>) nói riêng và trào lưu thơ ca lãng mạn 1932 – 1945 nói chung. Mục tiêu kỹ năng: vận dụng lý thuyết và những thao tác của thi pháp học để phân tích, so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của thơ Xuân Diệu trong tương quan với phong trào thơ mới.	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
9	Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam	Học phần hướng học viên cao học tìm hiểu và nhận thức được các đặc trưng thẩm mỹ của văn học trung đại, thông qua đó hiểu sâu hơn về văn học trung đại nói riêng và lịch sử mỹ học Việt Nam nói chung. Học phần cũng cung cấp cho người học một cách nhìn, một hướng tiếp cận đối với văn học, nghệ thuật nói chung	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		để học viên có thể mở rộng cho các đối tượng khác thuộc về văn học nghệ thuật của Việt Nam, trung đại và cận hiện đại.			
10	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	Học viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết ở Việt Nam. Học viên nắm được những đặc trưng thẩm mỹ của tiểu thuyết Việt Nam. Những thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam Mục tiêu kỹ năng: Học viên phải hiểu được những đặc trưng của thể loại tiểu thuyết và biết vận dụng lý thuyết thể loại để làm rõ những vấn đề của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11	Thời gian trong truyện kể	Hiểu và nắm được lý thuyết về các cấp độ thời gian trong sáng tác văn học; Hiểu và nắm được tầm quan trọng của thời gian trong sáng tác của Proust: người mở đường cho sáng tác tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX; Mục tiêu về kỹ năng của người học cần đạt được: Ứng dụng được lý thuyết về thời gian để phân tích văn bản nghệ thuật. Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp (có thể viết nghiên cứu, phê bình, dạy học);	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật	Trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và hiện đại về năng lực và phẩm chất người nghệ sĩ, những hoạt động tâm lý của họ trong sáng tạo nghệ thuật, từ cảm thụ thẩm mỹ trong đời sống đến rung động sáng tạo, từ khơi nguồn cảm hứng sáng tạo đến lúc hoàn thành tác phẩm. Từ những hiểu biết sâu sắc về quá trình tâm lý của nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật, học viên biết vận dụng vào thực tiễn sáng tạo để nghiên cứu các tác giả và tác phẩm nghệ thuật, cất nghĩa được bản chất của nghệ thuật và thiên chức nghệ sĩ. Đề xuất được những định hướng bồi dưỡng tài năng nghệ thuật, phát triển các năng khiếu nghệ thuật của các đối tượng học sinh, sinh viên, học viên Nội dung học phần: Khác với tâm lý học phổ quát, tâm lý học sáng tạo văn học chỉ giới hạn phạm vi và hướng tiếp cận của nó ở đời sống và tâm lý sáng tạo của nhà văn, những quy luật của quá trình sáng tạo tác phẩm. Vì vậy, ngoài phương pháp luận của tâm lý học, nó còn sử dụng cả phương pháp luận của mỹ học, của nghiên cứu văn học và nhiều khoa học liên ngành khác. Những kiến thức học viên thu nhận được là bản chất năng lực của nhà văn, cơ chế hoạt động của tâm lý nhà văn trong quá trình tiếp cận đời sống, quá trình chuẩn bị và sáng tạo tác phẩm, nghĩa là toàn bộ kinh nghiệm sáng tác xét từ phương diện tâm lý và hoạt động của tư duy. Nội dung chính: sự hình thành tài năng văn học; quá trình tiếp cận đời sống; từ rung động đến sáng tạo; yếu tố ý thức, yếu tố tự sinh và yếu tố vô thức trong sáng tạo văn học; quá trình sáng tạo với ý đồ và nội dung tâm trạng, sự tập trung các yếu tố nội dung và hình thức, hành trình đi vào thế giới nghệ thuật.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Phương pháp luận NCVH	Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu văn học, những vấn đề lý thuyết, những thao tác thực hành, cho học viên cao học nắm vững và ứng dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu vào những trường hợp cụ thể trong thực tiễn nghiên cứu văn học.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Chuyên ngành Hán Nôm					
1	Chữ Nôm và một số vấn đề về lịch sử tiếng	<i>Tiếng Việt và vấn đề chữ viết cho tiếng Việt</i> : Lịch sử tiếng Việt nguồn gốc tiếng Việt, sự hình thành tiếng Việt, các giai đoạn lịch sử của tiếng Việt, tiếp xúc Hán	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

	Việt	Việt (các tiếp xúc trong lịch sử, tiếp xúc tiếng Việt và tiếng Hán, âm cổ Hán Việt, âm Hán Việt, âm Hán Việt Việt hoá...). Các loại văn tự cho tiếng Việt (văn tự dựa theo cán tự chữ Hán; văn tự chữ cái). <i>Chữ Nôm văn tự ghi âm tiếng Việt trên cơ sở chất liệu của chữ Hán</i> (nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến), các bộ tự diễn chữ Nôm, các về qui chế của chữ Nôm trong lịch sử. <i>Chữ Nôm và tiến trình tiếng Việt lịch sử được phản ánh trong chữ Nôm.</i> (Chữ Nôm và tiếng Việt trong: <i>Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh, Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Thiên Nam ngữ lục, Truyền kỳ mạn lục giải âm, Truyện Kiều...</i> ; chữ Nôm miền Nam và phương ngữ Nam bộ: <i>Lục Vân Tiên...</i>)			
2	Kinh Thi và tiếp nhận Thi học ở Việt Nam	Tên gọi của <i>Thi, Thi kinh</i> ; “Trần Thi quan phong” và việc sưu tầm Thi (hành nhân, thái thi); Những ghi chép của <i>Sử ký</i> về <i>Thi</i> và vai trò của Khổng Tử trong việc san định <i>Thi</i> ; Các vấn đề văn bản học của <i>Thi</i> (Thi ở thời Hán: <i>Tễ thi, Lễ thi, Hàn thi, Mao thi...</i> , hoạt động chú giải của Trịnh Huyền, Lục Đức Minh. Từ <i>Thi</i> đến <i>Thi kinh</i> ; <i>Thi kinh</i> và <i>Thi kinh tập chú</i> của Chu Hy. Kết cấu của <i>Thi kinh</i> đang lưu hành [<i>Quốc Phong, Nhã, Đại Nhã, Tiểu Nhã, Tung, Chu tụng, Lễ tụng, Thương tụng</i>]; <i>Lục nghĩa</i> và <i>Tứ thủy</i> của <i>Thi</i> Những vấn đề tiếp nhận Thi học ở Việt Nam (Truyện thống diễn nghĩa giải âm Kinh Thi ghi bằng chữ Nôm qua các văn bản minh chứng; Nhận thức về Thi và vấn đề sưu tập và biên soạn các bộ Thi tuyển, sưu tập ca dao dân ca Việt Nam; <i>Thi kinh</i> - nguồn thi liệu, văn liệu của văn học trung đại Việt Nam. Tuyển giảng những thiên, chương cần thiết phản ánh vai trò và đời sống của <i>Thi</i> ở Việt Nam trên các phương diện: nội dung, hình thức thi liệu, văn liệu	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Thẻ tài văn bản Hán Nôm	Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết cơ bản về các thể tài mà người xưa dùng để viết các văn bản Hán Nôm, giúp cho học viên có được những tiêu chí để phân biệt, nhận diện các thể tài thuộc các lĩnh vực tri thức văn, sử, triết như các thể tài <i>biên niên, ký truyện, sử luận, sử bình, sử vịnh, chí, chí truyện, cương mục, phương chí, địa dư...</i> (sử học); những thể <i>ché, cáo, chiếu, biểu, hịch, thi, từ, khúc, ca, khúc, vịnh, ngâm, chí quái, truyện kỳ, tùy bút, kệ, tụng, châm, tán...</i> (văn học); <i>các thể luận, thuyết, vấn đáp, công án, ngữ loại...</i> (triết học). Học phần giúp học viên nắm bắt được các vấn đề của từng loại văn bản Hán Nôm từ góc độ cấu trúc hình thức văn bản.	3	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần nhằm hệ thống hóa các vấn đề về cấu trúc, chức năng, lịch sử tiếp xúc, tiếp biến của văn hóa Văn hoá Việt Nam với văn hóa khu vực và quốc tế theo thời gian, không gian (Phật giáo và văn hoá Việt Nam; Nho giáo và văn hoá Việt Nam; Đạo giáo và văn hoá Việt Nam; văn hoá Phương Tây và văn hoá Việt Nam; toàn cầu hoá và văn hoá Việt Nam) với các minh chứng cụ thể, thể hiện qua các tác phẩm và văn bản Hán Nôm.	3	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Kinh Thư và chính trị học Nho gia	Trên cơ sở những kiến thức cơ bản đã học về <i>Kinh Thư</i> ở chương trình cử nhân, Học phần đi sâu vào những nội dung chủ yếu về văn bản <i>Kinh Thư</i> (đặc biệt là vấn đề chân - ngụy của văn bản cũng như những nghiên cứu mới về văn bản <i>Kinh Thư</i> trong thời gian gần đây), về đặc điểm ngôn ngữ của <i>Kinh Thư</i> . Học phần cũng hướng dẫn học viên tiếp cận với <i>Kinh Thư</i> - một kinh điển Nho gia đồng thời cũng là một tổng tập văn kiện chính trị sớm nhất của Trung Quốc từ phương diện chính trị học Nho gia xoay quanh những vấn đề cơ bản như kính thiên, minh đức, thân phạt, bảo dân,	2	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		thụ thiên minh mệnh, duy mệnh bất vu thường...trên cơ sở tuyển giảng chính văn các thiên trong <i>Kinh Thư</i> .			
6	Bách gia chư tử	Học phần giới thiệu tổng quan về quá trình hình thành, hạt nhân tư tưởng, nhân vật tiêu biểu và ảnh hưởng của các học phái Tiên Tần như Đạo gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Âm dương gia...Tuyển giảng các trích đoạn văn bản tiêu biểu cho từng học phái.	3	2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Luận ngữ và luận ngữ học	<p>Giúp học viên tích lũy các kiến thức cơ bản và hệ thống về tác phẩm <i>Luận ngữ</i> và việc nghiên cứu về <i>Luận ngữ</i> (Luận ngữ học) từ khởi nguồn cho tới thời cận hiện đại, những vấn đề phương pháp, các trường phái nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu <i>Luận ngữ</i> trên thế giới hiện nay.</p> <p>Học phần được chia thành 02 phần, phần 01 về tác phẩm <i>Luận ngữ</i>, quá trình thành thư, những vấn đề văn bản, cấu trúc văn bản, niên đại, tác giả và tư tưởng chính. Học phần giới thiệu về Khổng Tử và những học trò nổi tiếng của ông, việc học trò ghi chép lời của Khổng Tử thành sách, tính chất ghi chép, ngữ lục của tác phẩm <i>Luận ngữ</i>. Học phần trích giảng và định hướng học viên tìm hiểu, thảo luận về các tư tưởng chính trị, đạo đức, văn hóa, tu dưỡng, quan hệ nhân tế, giáo dục, thẩm mỹ của Khổng Tử và các nhà nho thời Xuân thu thể hiện trong sách <i>Luận ngữ</i>.</p> <p>Nội dung 02 giới thiệu về quá trình thảo luận, chú giải, nghiên cứu <i>Luận ngữ</i> tại các nước Đông Á trong lịch sử, vấn đề kim cổ văn đời Hán, việc chú giải, số nghĩa, tập chú <i>Luận ngữ</i> từ đời Hán tới đời Thanh, vị trí của <i>Luận ngữ</i> trong cơ cấu kinh điển Nho gia các thời; giới thiệu một số công trình thảo luận về <i>Luận ngữ</i> ở Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Tình hình nghiên cứu <i>Luận ngữ</i> trên thế giới thế kỷ XX, những vấn đề mang tính thời sự trong nghiên cứu <i>Luận ngữ</i> hiện nay.</p> <p>Học phần giúp học viên có những hiểu biết quan trọng về tư tưởng Nho gia thông qua văn bản kinh điển quan trọng nhất là <i>Luận ngữ</i>, tăng cường vốn từ cơ bản của Nho giáo, giúp học viên tích lũy các hiểu biết về phương pháp kinh học của Nho gia truyền thống, các phương pháp nghiên cứu so sánh văn bản, huấn hử, khảo chứng, chú giải cổ kim.</p>	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Mạnh Tử và Mạnh học	<p><i>Mạnh Tử</i> là tác phẩm kinh điển quan trọng của Nho gia. Trong chương trình bậc học cử nhân, sinh viên đã tiếp xúc với văn bản <i>Mạnh Tử</i>, trích giảng và học một số đoạn văn bản. Trong chương trình thạc sĩ, tác phẩm <i>Mạnh Tử</i> lại được đề cập với mục tiêu giúp học viên có những hiểu biết sâu hơn, toàn diện hơn về tác phẩm kinh điển này, cũng như lịch sử nghiên cứu thảo luận về <i>Mạnh Tử</i>, các phương pháp, thành tựu nghiên cứu và các công trình tiêu biểu nhất. Theo hướng này, Học phần tập trung định hướng cho học viên hiểu sâu và có hệ thống về cấu trúc văn bản <i>Mạnh Tử</i>, tác giả Mạnh Tử, những tư tưởng quan trọng của ông thể hiện trong tác phẩm như tư tưởng nhân, nghĩa, dân bản, tính thiện luận, tâm tính học, tư tưởng chính trị, tu dưỡng luận... của Mạnh Tử.</p> <p>Trên cơ sở so sánh các tác phẩm chú giải, huấn thích, chú số <i>Mạnh Tử</i> trong lịch sử từ đời Hán tới đời Thanh, Học phần hỗ trợ cho học viên thông qua nghiên cứu so sánh lịch đại các văn bản, so sánh các phương hướng, các vấn đề... hình dung được lịch sử kinh học của Nho gia có liên quan tới <i>Mạnh Tử</i>, các công trình thảo luận về <i>Mạnh Tử</i> ở Việt Nam thời cổ trung đại và hiện đại. Học phần cũng đề cập tới các công trình</p>	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		<p> nghiên cứu, các phương pháp, quan điểm, khuynh hướng nghiên cứu về <i>Mạnh Tử</i> ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan hiện nay.</p>			
9	<p>Chế độ khoa cử và văn chương khoa cử Việt Nam</p>	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về điều kiện ra đời của chế độ khoa cử Trung Quốc và Việt Nam, về lịch trình, về thể chế và thành tựu của chế độ khoa cử, về các loại khoa thi, đặc biệt là khoa thi tiến sĩ đỉnh cao của chế độ khoa cử thời trung đại; về hệ thống trường thi, bài thi, học vị...</p> <p>Khái quát về thành tựu của văn chương khoa cử, quan niệm về văn chương khoa cử, các thể tài văn khoa cử cùng những đặc sắc về nội dung và hình thức của loại văn chương này. Tuyển đọc một số văn bản tiêu biểu cho các thể tài văn chương khoa cử.</p>	2	1	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	<p>Kinh Xuân Thu và sử học Nho gia</p>	<p>Học phần đề cập đến các vấn đề như: Các sách ghi về <i>Xuân Thu</i> và vai trò tu đính sách <i>Xuân Thu</i> của Khổng tử; Các bộ truyện cho <i>Xuân Thu: Công Dương truyện, Cốc Lương truyện, Tả truyện</i>; Các cách thức truyện chú của Công Dương Cao, Cốc Lương Xích và họ Tả cho <i>Xuân Thu</i>; Tác giả và lưu truyền của <i>Tả truyện</i>; Thành tựu và cách thức truyện giải của <i>Tả truyện</i>; Các hoạt động tập giải cho <i>Tả truyện</i> trong lịch sử (hoạt động tập giải của Đỗ Dự, Khổng Dĩnh Đạt, Hồng Cát Lượng, Lưu Văn Kỳ...); Các hoạt động chú giải, bình chú <i>Xuân Thu - Tả truyện</i> ở Việt Nam; Bút pháp của <i>Xuân Thu</i> (ngụ bao biếm, biện thiện ác) và sự chi phối của bút pháp “Xuân Thu đại nghĩa” đối với sử học Nho gia qua phân tích các trích đoạn từ các bộ sử lớn ở Việt Nam (<i>Đại Việt Sử ký toàn thư, Việt giám thông khảo, Việt giám thông khảo tổng luận, Việt sử thông giám cương mục...</i></p>	2	1	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
1	<p>Ngôn ngữ điện ảnh</p>	<p>Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan về ngôn ngữ điện ảnh, những nguyên tắc trong việc xây dựng tác phẩm điện ảnh với tư cách một văn bản: các cấp độ nền tảng (cảnh quay, cú máy, shot) như những từ của phim và sự liên kết chúng thành những ngữ đoạn (cảnh phim – scene và cao hơn, các phân đoạn - sequence), ngữ pháp của phim.</p> <p>Học phần cũng đi sâu vào những nguyên tắc mang tính ngữ nghĩa (semantic) của điện ảnh như những nguyên tắc của tự sự phim, cơ chế tạo nghĩa của diễn ngôn và tính biểu tượng của phim.</p>	3	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
2	<p>Xã hội học điện ảnh</p>	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về xã hội học điện ảnh, bao gồm: những khái niệm chính, một số cách tiếp cận của xã hội học về điện ảnh.</p> <p>Học phần tập trung vào phân biệt các khía cạnh của phim ảnh và những cách thức trong đó có sự vận dụng quan điểm xã hội học có thể làm tăng sự hiểu biết của chúng ta về những ảnh hưởng của văn hoá mà phim ảnh tác động đến người xem. Sử dụng một vài thể loại phim khác nhau, học viên sẽ có cơ hội nói/thảo luận về những tư tưởng xã hội học, như: hiện đại hoá, sự lệch chuẩn, vốn văn hoá, vai trò giới, bản sắc xã hội, tiêu văn hoá... Đặc biệt, học phần đề cập đến vấn đề giới và nữ quyền trong phim ảnh - một chủ đề quan trọng khi nghiên cứu phim ảnh hiện nay.</p>	3	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
3	<p>Các thể loại phim</p>	<p>Trong phần thứ nhất, môn học sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm lí luận cơ bản về loại hình, thể loại phim, những đặc trưng trong việc nghiên cứu thi pháp thể loại phim trong tương quan so sánh với một số phương pháp nghiên cứu khác, như phương pháp nghiên cứu tác giả... Một cách chi tiết hơn, chuyên đề</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>

		<p>giúp học viên nắm được khái niệm thể loại và thể loại điện ảnh, lịch sử phát triển của thể loại điện ảnh, các tiêu chí nhận diện một tác phẩm điện ảnh từ góc độ thể loại, phương pháp phân tích một bộ phim theo thể loại, phương pháp mô tả và phương pháp chức năng trong nghiên cứu thể loại phim. Đặc trưng của một số loại hình phim tiêu biểu: phim hư cấu, phim tài liệu, phim hoạt hình.</p> <p>Phần thứ hai của môn học sẽ tập trung vào các thể loại phim hư cấu. Học viên sẽ được hướng dẫn xem và phân tích một số thể loại chính trong loại hình phim hư cấu như phim tâm lí, tình cảm, phim hài, phim ca nhạc, phim giật gân, phim kinh dị...</p>			
4	Điện ảnh Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn	<p>Trên cơ sở phân tích đặc điểm của nền điện ảnh Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay trên các phương diện cấu trúc tác phẩm điện ảnh (đề tài, cốt truyện, nhân vật, dàn dựng), sản xuất phim và mối quan hệ qua lại giữa điện ảnh và những vấn đề của đời sống chính trị, kinh tế-xã hội của đất nước, học phần giúp học viên có cái nhìn tổng quan về những thành tựu và hạn chế của điện ảnh nước nhà, đồng thời gợi mở suy nghĩ về những vấn đề của điện ảnh Việt Nam</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
5	Văn hóa học điện ảnh	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về văn hóa học điện ảnh: những khái niệm chính, một số cách tiếp cận của văn hóa học về điện ảnh.</p> <p>Học phần tập trung vào phân biệt các khía cạnh của phim ảnh và những cách thức vận dụng quan điểm văn hóa học để làm rõ những ảnh hưởng của văn hoá qua sự tác động của phim ảnh đến người xem. Sử dụng một vài thể loại phim khác nhau, học viên sẽ có cơ thuyết trình/thảo luận về những tư tưởng văn hóa học, như: lý thuyết hậu hiện đại, hiện đại, vốn văn hoá, bản sắc văn hóa... đối với sáng tạo và tiếp nhận tác phẩm điện ảnh.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
6	Các thể loại truyền hình	<p>Học phần <i>Các thể loại truyền hình</i> tập trung giới thiệu một cách khái quát nhất những đặc điểm của các thể loại truyền hình phổ biến (truyền hình hư cấu: phim điện ảnh phát trên truyền hình, phim điện ảnh làm cho truyền hình, phim truyền hình nhiều tập,...; truyền hình không hư cấu: tin tức, thời sự, bản tin, chương trình thể thao, game shows,...), các phương thức sản xuất và phát hành truyền hình, mối quan hệ giữa truyền hình và điện ảnh. Dựa vào lý thuyết và các ví dụ thực tế từ truyền hình Mỹ, chuyên đề hướng người học tìm hiểu cấu trúc cơ bản của các thể loại truyền hình và có liên hệ với hệ thống truyền hình tại Việt Nam.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
7	Những vấn đề lý luận chuyên thể điện ảnh	<p>Học phần có nội dung là những kiến thức cơ bản về kịch bản điện ảnh và vấn đề chuyển thể các tác phẩm văn xuôi tự sự thành kịch bản điện ảnh. Môn học có hai nội dung chính: nội dung mang tính lý thuyết và nội dung mang tính thực hành. Nội dung thứ nhất cho học viên một hiểu biết chung về lý thuyết chuyển thể từ góc nhìn liên ngành, liên văn bản giữa hai loại văn bản thuộc hai loại hình nghệ thuật khác nhau. Nội dung thứ hai cho sinh viên một nhận thức chung về những cách thức, phương pháp, nguyên tắc cơ bản và tối thiểu cần có khi chuyển thể một tác phẩm văn chương thành kịch bản điện ảnh. Hai nội dung trên vừa có quan hệ tương hỗ với nhau, lại vừa có tính độc lập nhất định với nhau. Tất cả đều có sự tham chiếu với các quan niệm mang tính thời sự và quy chuẩn hiện nay của nền công nghiệp điện ảnh hiện đại của thế giới.</p>	2	2	<p>Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%</p>
	Điện ảnh Châu	Học phần khảo sát và thảo luận về tình hình điện ảnh			

	Á đương đại	của châu Á hiện nay trên các lĩnh vực dân dựng và sản xuất. Các chủ đề bao gồm: các đề tài, thể loại, phong cách phổ biến, các đạo diễn tiêu biểu và các bộ phim nổi tiếng ở Nhật Bản, Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông), Đài Loan. Học phần kết hợp xem phim hàng tuần với nghe giảng, thảo luận và viết bài luận.			Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
9	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng	Học phần Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết cho các chuyên gia về truyền thông những khái niệm cốt lõi nhất về vai trò và cơ chế tác động của truyền thông đại chúng, văn hóa truyền thông đại chúng đối với xã hội. Người học cũng có thể vận dụng các lý thuyết, phương pháp, nguyên tắc chung trong truyền thông đại chúng để hình thành và triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu đã có trong thực tiễn đa	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10	Thực hành phê bình và nghiên cứu điện ảnh	Học phần cung cấp những công cụ lý thuyết (hệ thống khái niệm và thuật ngữ, thể loại, phương pháp luận) và kỹ năng thực hành (quy trình lựa chọn, triển khai) trong nghiên cứu và phê bình điện ảnh. Thông qua các bài đọc/xem phim, bài giảng và thảo luận, người học sẽ thực hành viết một bài phê bình/nghiên cứu về một vấn đề/bộ phim cụ thể.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11	Trần thuật học điện ảnh	Học phần được cấu trúc thành ba phần lớn. Phần thứ nhất: những cơ sở lý thuyết của trần thuật học điện ảnh (bản chất của trần thuật, tính đặc thù của trần thuật trong điện ảnh, tính liên ngành trong nghiên cứu trần thuật). Phần thứ hai: đối tượng và phương pháp của trần thuật học điện ảnh (liên quan đến hai câu hỏi lớn của trần thuật: kể cái gì và kể như thế nào) với những nội dung tương ứng: cấu trúc nội dung-ý nghĩa của trần thuật và chiều kích xã hội, tâm lý của trần thuật; những phạm trù mang tính kỹ thuật của nghệ thuật trần thuật. Phần thứ ba: định hướng thực hành vận dụng phân tâm học, ký hiệu học, xã hội học vào nghiên cứu trần thuật học điện ảnh với các mô hình hiện đại của nghiên cứu nghệ thuật, từ những mô hình về ngữ nghĩa của Propp, Greimas cho đến các mô hình về liên văn bản.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Lịch sử điện ảnh Châu Âu	Học phần giới thiệu những đặc điểm của tiến trình lịch sử điện ảnh châu Âu từ khởi thủy (cuối thế kỷ XIX) đến nay: những bước ngoặt quan trọng, những trào lưu, khuynh hướng chủ yếu của điện ảnh châu Âu qua các thời kỳ, những tác giả và tác phẩm kinh điển. Lịch sử điện ảnh châu Âu không tách rời khỏi dòng chảy chung của điện ảnh thế giới, song nó cũng mang những nét loại biệt, khác lạ, độc đáo mà chỉ cái nôi văn hóa châu Âu mới tạo nên được.	2	1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

Hà Nội ngày 31 tháng 12 năm 2021
 TL. HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO